

Tuần 1: Ngày soạn 11/8/2013

Tiết 1,2: Văn học sử

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh nắm được:

- Nắm được những đặc điểm của một nền văn học song hành cùng lịch sử đất nước;
- Thấy được những thành tựu của văn học cách mạng Việt Nam;
- Cảm nhận được ý nghĩa của văn học đối với đời sống.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.
- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12 – tập 1.
- Giáo án Ngữ văn 12 – tập 1.
- Bài tập Ngữ văn 12 – tập 1.
- Các tài liệu tham khảo khác...

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: Đọc hiểu, thuyết trình, phát vấn, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định lớp: Kiểm tra sĩ số

12D	12I
12K	12M
12P	

2. Kiểm tra bài cũ:

Kiểm tra sự chuẩn bị đầu năm học của học sinh.

3. Giảng bài mới:

Vào bài:

Ở các chương trình Ngữ văn lớp 10 và 11, các em đã được tìm hiểu về các giai đoạn phát triển của nền văn học Việt Nam từ khi hình thành nền văn học dân gian, văn học viết từ thế kỉ X cho đến hết thế kỉ XIX. Ở chương trình Ngữ văn 12 này, các em sẽ được tìm hiểu thêm về một giai đoạn văn học có thể nói là phát triển trong hoàn cảnh đặc biệt của dân tộc : Chặng đường văn học từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>* Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những nét khái quát nền văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng tám 1945 đến năm 1975</p> <p>+ GV: Tác giả SGK đã triển khai bài học theo các nội dung như thế nào?</p> <p>+ HS: Nêu các đề mục chính của bài học.</p> <p>+ GV: Khái quát bằng sơ đồ:</p>	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS		NỘI DUNG CẦN ĐẠT	
Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng tám 1945 đến năm 1975			
Khái quát văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975		Vài nét khái quát văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX	
Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa	Các chặng đường phát triển, thành tựu chủ yếu	Những đặc điểm cơ bản	Những chuyển biến và thành tựu bước đầu
Kết luận			
<p>- Thao tác 1:</p> <p>+ GV: Thời đại nào thì văn học ấy. Vậy VHVN từ CMTT 1945 đến 1975 đã tồn tại và phát triển trong những điều kiện, lịch sử, xã hội và văn hóa như thế nào?</p> <p>+ HS: Đọc sách giáo khoa và tóm tắt những nét chính.</p> <p>+ GV: Lưu ý học sinh: Giai đoạn lịch sử này tuy chưa lùi xa, nhưng những thế hệ sinh ra sau 1975 không dễ lĩnh hội được nếu không hình dung được cụ thể hoàn cảnh lịch sử đặc biệt lúc đó: Đó là thời kì chiến tranh kéo dài và vô cùng ác liệt.</p> <p>+ Trong chiến tranh, vấn đề đặt lên hàng đầu là sự sống còn của dân tộc. Mọi phương diện khác của đời sống chỉ là thứ yếu, nếu cần phải dẹp đi, hi sinh hết, kể cả tính mạng của mình</p> <p>+ Nhiệm vụ hàng đầu của văn học lúc bấy giờ là phục vụ cách mạng, tuyên truyền và cổ vũ chiến đấu</p> <p>+ Tình cảm đẹp nhất là tình đồng chí, đồng bào, tình quân dân...</p> <p>+ Con người đẹp nhất là anh bộ đội, chị quân dân, thanh niên xung phong và các lực lượng phục vụ chiến đấu</p> <p>+ Con người tuy sống trong đau khổ</p>		<p><u>I. KHÁI QUÁT VHVN TỪ CMTT NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975:</u></p> <p><u>1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:</u></p> <p>- CMTT thành công đã mở kỉ nguyên mới cho dân tộc, khai sinh một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.</p> <p>- Đường lối văn nghệ của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quan trọng đã tạo nên một nền văn học thống nhất.</p> <p>- Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ kéo dài suốt 30 năm đã tạo nên những đặc điểm và tính chất riêng của nền văn học hình thành và phát triển trong điều kiện chiến tranh lâu dài và vô cùng ác liệt.</p> <p>- Nền kinh tế còn nghèo và chậm phát triển.</p> <p>- Giao lưu văn hoá hạn chế, chủ yếu tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa các nước XHCN (Liên Xô, Trung Quốc).</p>	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>nhưng vẫn có niềm lạc quan tin tưởng. Hi sinh cho tổ quốc là hoàn toàn tự nguyện, là niềm vui. Họ sẵn sàng đốt bỏ nhà cửa để kháng chiến, đường ra trận là con đường đẹp, con đường vui:</p> <p>“<i>Những buổi vui sao cả nước lên đường</i>” (Tố Hữu).</p> <p>“<i>Đường ra trận mùa này đẹp lắm</i>” (Phạm Tiến Duật).</p>	
<p>- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ 1945 – 1975.</p> <p>+ GV: Văn học VN 1945-1975 phát triển qua mấy chặng?</p> <p>+ HS: Đọc thầm SGK, phát biểu: 3 chặng: 1945 - 1954; 1955 - 1964; 1965 – 1975.</p> <p>+ GV: Chủ đề chính của những tác phẩm văn học trong giai đoạn này là gì?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p> <p>+ GV: Giảng thêm: Các tác phẩm <i>Dân khí miền Trung, Huế tháng Tám, Vui bất tuyệt, Ngọn quốc kì, Hội nghị non sông,..</i> phản ánh được không khí hào hứng, vui sướng đặc biệt của nhân dân ta khi đất nước giành được độc lập.</p>	<p>2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:</p> <p>a. Chặng đường từ 1945 đến 1954:</p> <p>* Chủ đề chính:</p> <p>- 1945 – 1946: Phản ánh được không khí hào hứng, vui sướng đặc biệt của nhân dân khi đất nước vừa giành được độc lập.</p> <p>- 1946 – 1954:</p> <p>+ Phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp: gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến.</p> <p>+ Tập trung khám phá sức mạnh và những phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân.</p> <p>+ Thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.</p>
<p>+ GV: Truyện ngắn và kí có những thành tựu tiêu biểu nào?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK.</p>	<p>* Thành tựu:</p> <p>- Truyện ngắn và kí: (SGK) + <i>Một lần tới Thủ đô và Trận phố Ràng</i> (Trần Đăng) , + <i>Đôi mắt, Ở rừng</i> (Nam Cao) ; + <i>Làng</i> (Kim Lân) ; + <i>Thư nhà</i> (Hồ Phương) ,... + <i>Vùng mỏ</i> (Võ Huy Tâm) ;</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
	+ <i>Xung kích</i> (Nguyễn Đình Thi) ; + <i>Đất nước đứng lên</i> (Nguyễn Ngọc) ,...
+ GV: Nêu tên những bài thơ hoặc tập thơ tiêu biểu ra đời trong văn học giai đoạn này? + HS: Phát biểu + GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK.	- Thơ ca: + <i>Cảnh khuya, Cảnh rừng Việt Bắc, Rằm tháng giêng, Lên núi..</i> (Hồ Chí Minh), + <i>Bên kia sông Đuống</i> (Hoàng Cầm), + <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng),.. + <i>Việt Bắc</i> (Tố Hữu).
+ GV: Kịch nói trong giai đoạn này có những tác phẩm nổi bật nào? + HS: Phát biểu + GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK. + GV: Lĩnh vực phê bình văn học có những tác phẩm đáng chú ý nào? + HS: Phát biểu + GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK.	- Kịch: + <i>Bắc Sơn, Những người ở lại</i> (Nguyễn Huy Tưởng) + <i>Chị Hòa</i> (Học Phi) - Lí luận, phê bình: + <i>Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam</i> (Trương Chinh) + <i>Nhận đường, Mấy vấn đề về văn nghệ</i> (Nguyễn Đình Thi) + <i>Quyền sống của con người trong “Truyện Kiều”</i> (Hoài Thanh)
+ GV: Nêu một số nét chính về hoàn cảnh lịch sử, xã hội chặng 1955-1964? + HS: Đọc thầm SGK và nêu: o Miền Bắc bước vào giai đoạn xây dựng hoà bình và CNXH. o Miền Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai + GV: Chính vì vậy, chủ đề chính của những tác phẩm văn học giai đoạn này có gì khác trước? + HS: Phát biểu	<p><u>b. Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964:</u></p> <p>* Chủ đề chính: - Ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội - Nỗi đau chia cắt và ý chí thống nhất đất nước.</p>
+ GV: Văn xuôi trong giai đoạn này viết về những đề tài nào? Nêu tên một số tác	<p>* Thành tựu: - Văn xuôi: mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, phạm vi của cuộc</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>phẩm tiêu biểu ?</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS: Phát biểu + GV: Nêu tên một số tác phẩm tiêu biểu ? + HS: Phát biểu + GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK. 	<p>sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đề tài về sự đời, khát vọng hạnh phúc của con người: <ul style="list-style-type: none"> o <i>Đi bước nữa</i> (Nguyễn Thế Phương) o <i>Mùa lạc</i> (Nguyễn Khải) o <i>Anh Keng</i> (Nguyễn Kiên) + Đề tài cuộc kháng chiến chống Pháp: <ul style="list-style-type: none"> o <i>Sống mãi với thủ đô</i> (Nguyễn Huy Tưởng) o <i>Cao điểm cuối cùng</i> (Hữu Mai) o <i>Trước giờ nổ súng</i> (Lê Khâm)
	<ul style="list-style-type: none"> + Đề tài hiện thực đời sống trước CMTT: <ul style="list-style-type: none"> o <i>Tranh tối tranh sáng</i> (Nguyễn Công Hoan). o <i>Mười năm</i> (Tô Hoài). o <i>Vỡ bờ</i> (Nguyễn Đình Thi). o <i>Cửa biển</i> (Nguyễn Hồng). + Đề tài công cuộc xây dựng CNXH: <ul style="list-style-type: none"> o <i>Sông Đà</i> (Nguyễn Tuân). o <i>Bốn năm sau</i> (Nguyễn Huy Tưởng). o <i>Cái sân gạch</i> (Đào Vũ).
<ul style="list-style-type: none"> + GV: Tình hình thơ ca trong giai đoạn này như thế nào? Có những thành tựu thơ ca tiêu biểu nào? + HS: Phát biểu + GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thơ ca: nhiều tập thơ xuất sắc + <i>Gió lộng</i> (Tố Hữu). + <i>Ánh sáng và phù sa</i> (Chế Lan Viên). + <i>Riêng chung</i> (Xuân Diệu). + <i>Đất nở hoa</i> (Huy Cận). + <i>Tiếng sóng</i> (Tế Hanh).
<ul style="list-style-type: none"> + GV: Tình hình kịch nói trong giai đoạn này ra sao? Có những tác phẩm tiêu biểu nào? + HS: Phát biểu + GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kịch nói: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Một Đảng viên</i> (Học Phi). + <i>Ngọn lửa</i> (Nguyễn Vũ). + <i>Chị Nhàn và Nổi gió</i> (Đào Hồng Cẩm).

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ GV: Chủ đề chính của những tác phẩm văn học giai đoạn này là gì?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p>	<p>c. <u>Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975:</u></p> <p>* Chủ đề chính: Ngợi ca tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng</p>
<p>+ GV: Hãy nêu tên những tác phẩm tiêu biểu trong thể loại văn xuôi văn học giai đoạn này?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK.</p>	<p>* Thành tựu:</p> <p>- Văn xuôi: Phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, khắc họa hình ảnh con người VN anh dũng, kiên cường, bất khuất.</p> <p>+ Ở miền Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> o <i>Người mẹ cầm súng</i> (Nguyễn Thi) o <i>Rừng xà nu</i> (Nguyễn Trung Thành). o <i>Chiếc lược ngà</i> (Nguyễn Quang Sáng). o <i>Hòn Đất</i> (Anh Đức). o <i>Mẫn và tôi</i> (Phan Tứ). <p>+ Miền Bắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Kháng chiến chống Mĩ của Nguyễn Tuân o Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long, Nguyễn Kiên, Vũ Thị Thường, Đỗ Chu o Tiểu thuyết: <i>Vùng trời</i> (Hữu Mai), <i>Cửa sông</i> và <i>Dấu chân người lính</i> (Nguyễn Minh Châu), <i>Bão biển</i> (Chu Văn).
<p>+ GV: Tình hình thơ ca trong giai đoạn này có gì mới? Có những tác phẩm tiêu biểu nào?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK.</p>	<p>- Thơ ca: mở rộng và đào sâu hiện thực, tăng cường chất suy tưởng và chính luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Ra trận, Máu và hoa</i> (Tố Hữu) + <i>Hoa ngày thường, Chim báo bão</i> (Chế Lan Viên) + <i>Đầu súng trăng treo</i> (Chính Hữu) + <i>Vàng trắng quàng lửa</i> (Phạm Tiến Duật) + <i>Mặt đường khát vọng</i> (Nguyễn Khoa Điềm)

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ GV: Văn học giai đoạn này ghi nhận sự xuất hiện những tác giả nào?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p>	<p>+ <i>Gió Lào cát trắng</i> (Xuân Quỳnh) + <i>Hương cây, Bếp lửa</i> (Lưu Quang Vũ và Bằng Việt) + <i>Cát trắng</i> (Nguyễn Duy), + <i>Góc sân và khoảng trời</i> (Trần Đăng Khoa) + Sự xuất hiện và đóng góp của các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ: Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Lê Anh Xuân, Lưu Quang Vũ, Bằng Việt, Nguyễn Mĩ, Xuân Quỳnh, Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Duy, Hoàng Nhuận Cầm, Trần Đăng Khoa...</p>
<p>+ GV: Kịch nói đạt được những thành tựu nào?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK.</p>	<p>- Kịch nói: + <i>Quê hương Việt Nam, Thời tiết ngày mai</i> (Xuân Trình) + <i>Đại đội trưởng của tôi</i> (Đào Hồng Cẩm) + <i>Đôi mắt</i> (Vũ Dũng Minh) - Lí luận, phê bình: Các công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên...</p>
<p>+ GV: Cho HS đọc SGK và yêu cầu HS tóm tắt những đóng góp của xu hướng văn học tiến bộ, yêu nước và cách mạng.</p> <p>+ HS: Đọc thâm SGK và tóm tắt</p> <p>+ GV: Lưu ý: Đó mới chỉ là vài nét sơ lược vì chưa có điều kiện nghiên cứu sâu sắc, đầy đủ. Ngoài ra, còn phải kể đến bộ phận văn học hải ngoại (của trí thức Việt kiều)</p>	<p>d. Văn học vùng địch tạm chiếm:</p> <p>- Phức tạp: xen kẽ nhiều xu hướng phản động, tiêu cực, đòi trụ và tiến bộ, yêu nước, cách mạng</p> <p>- Hình thức thể loại: gọn nhẹ như truyện ngắn, phóng sự, bút kí</p> <p>- Tác phẩm tiêu biểu: + <i>Hương rừng Cà Mau</i> (Sơn Nam) + <i>Thương nhớ mười hai</i> (Vũ Bằng)</p>

4. Củng cố, dặn dò:

Nắm chắc kiến thức cơ bản về:

- Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá của nước ta từ Cách mạng tháng Tám 1945 – 1975 ảnh hưởng đến văn hóa, văn học ntn

-Quá trình phát triển những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 – 1975

5.Hướng dẫn về nhà:
-Học bài, chuẩn bị bài tiếp

Tiết 2(Tiếp)

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định lớp: Kiểm tra sĩ số

12D

12I

12K

12M

12P

2. Kiểm tra bài cũ:

(?) Trình bày những nét chính về bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội có ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của VHVN từ sau CMTT đến năm 1975?

(?) Nêu tóm tắt các chặng phát triển và thành tựu mỗi chặng của VHVN từ sau CMTT đến năm 1975?

3. Giảng bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn 1945 – 1975.</p> <p>+ GV: Nhìn một cách bao quát văn học VN 1945- hết TK XX mang những đặc điểm nào?</p> <p>+ HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời</p> <p>+ GV: Em hiểu thế nào là <i>cách mạng</i> và <i>cách mạng hoá</i>?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p> <p>+ GV: Định hướng cách hiểu:</p> <p>o Văn học vận động theo hướng <i>cách mạng hoá</i> : là nền văn học có tính chất cách mạng, là tấm gương phản chiếu sự nghiệp CM của dân tộc. Đặc điểm này</p>	<p>3. <u>Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT năm 1945 đến năm 1975:</u></p> <p>a. <i>Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.</i></p>

<p>được biểu hiện rõ nét trong nội dung và nghệ thuật của toàn bộ nền văn học.</p> <p>+ GV: Khuynh hướng chủ đạo của nền văn học cách mạng là gì?</p> <p>HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời</p> <p>GV: Phân tích câu nói của Nguyễn Đình Thi</p> <p>- Văn học giai đoạn này tập trung vào những đề tài nào?</p> <p>+ HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời</p> <p>+ GV: Nhân vật trung tâm trong những tác phẩm văn học giai đoạn này là những con người như thế nào?</p> <p>+ HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời</p>	<p>- Khuynh hướng, tư tưởng chủ đạo: tư tưởng cách mạng, văn học là thứ vũ khí phục vụ sự nghiệp cách mạng, nhà văn là người chiến sĩ</p> <p>- Đề tài: Tổ Quốc với hai vấn đề trọng đại: đấu tranh bảo vệ, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội</p> <p>- Nhân vật trung tâm: người chiến sĩ, dân quân, du kích, TNXP; người lao động mới có sự hòa hợp giữa cái riêng và cái chung, cá nhân và tập thể.</p> <p>→ Văn học là tấm gương phản chiếu những vấn đề trọng đại của LSĐT.</p>
<p>- Đại chúng có vai trò như thế nào trong nền văn học giai đoạn 1945-1975?</p> <p>+ HS: trả lời.</p> <p>- Cái nhìn mới của người sáng tác trong văn học giai đoạn này là gì?</p> <p>+ HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời</p> <p>- Nội dung của những tác phẩm văn học hướng vào điều gì nơi đại chúng?</p> <p>+ HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời</p> <p>GV: Đây là nền văn học mới thuộc về nhân dân. Nhà văn là những người gắn bó xương thịt với nhân dân, như Xuân Diệu đã nói:</p> <p><i>“Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi, Cùng đổ mồ hôi cùng xô giọt máu Tôi sống với cuộc đời chiến đấu của triệu người yêu dấu cần lao”</i> (Những đêm hành quân).</p> <p>Hay những tác phẩm như <i>Đôi mắt</i> của nhà văn Nam Cao</p>	<p>b. Nền văn học hướng về đại chúng:</p> <p>- Đại chúng: vừa là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ, vừa là nguồn bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học</p> <p>- Cái nhìn mới của người sáng tác về nhân dân: Đất nước là của nhân dân.</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ quan tâm đến đời sống nhân dân lao động;</p> <p>những bất hạnh trong cuộc đời cũ và niềm vui sướng, tự hào về cuộc đời mới;</p> <p>+ khả năng cách mạng và phẩm chất anh hùng;</p> <p>+ xây dựng hình tượng quần chúng cách mạng</p>

<p>- Do văn học hướng về đại chúng nên hình thức những tác phẩm như thế nào? GV: Những bài thơ của Tố Hữu, Phạm Tiến Duật, tác phẩm <i>Sống như anh</i>, <i>Hòn Đất</i> thật sự hướng về đại chúng và hấp dẫn người đọc.</p>	<p>- Hình thức: ngắn gọn, dễ hiểu, chủ đề rõ ràng, hình thức nghệ thuật quen thuộc, ngôn ngữ bình dị, trong sáng.</p>
<p>- Khuyh hướng sử thi được biểu hiện ở đề tài nào trong các tác phẩm văn học? Thử chứng minh qua một tác phẩm đã học? HS: Bàn luận, phát biểu và chứng minh lần lượt các phương diện.</p> <p>- Khuyh hướng sử thi được biểu hiện như thế nào trong việc xây dựng nhân vật? nêu ví dụ: <i>“Người con gái Việt Nam ..Còn một giọt máu tươi còn đập mãi không phải cho em.... Cho tổ quốc, loài người!”</i> (Người con gái Việt Nam - Tố Hữu). Hay: <i>Người mẹ cầm súng</i> – chị Út Tịch ở xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, người mẹ của sáu đứa con, nổi tiếng với câu nói <i>Còn cái lai quần cũng đánh; Đất quê ta mệnh mông – Lòng mẹ rộng vô cùng...</i></p>	<p>c. Nền văn học chủ yếu mang khuyh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.</p> <p>* Khuyh hướng sử thi:</p> <p>- Đề tài: đề cập tới những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và tính chất toàn dân tộc: Tổ quốc còn hay mất, độc lập hay nô lệ</p> <p>- Nhân vật chính: + những con người đại diện cho tinh hoa và khí phách, phẩm chất và ý chí của dân tộc, tiêu biểu cho lí tưởng dân tộc hơn là khát vọng cá nhân; + văn học khám phá con người ở khía cạnh trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ công dân, ý thức chính trị, tình cảm lớn, lẽ sống</p> <p>- Lời văn: mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng (Sử dụng BPNT trùng điệp, phóng đại).</p>
<p>+ GV: Cảm hứng lãng mạn được biểu hiện như thế nào trong những tác phẩm văn học thời kì này? + HS: trả lời. + GV: Nói thêm: Họ ra trận, đi vào mưa bom bão đạn mà vui như trăng hội: <i>“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, Mà lòng phơi phới dậy tương lai”</i> (Tố Hữu). <i>“Những buổi vui sao... Xao xuyên bờ tre từng hồi trống giục”</i> (Chính Hữu).</p>	<p>* Cảm hứng lãng mạn:</p> <p>- Là cảm hứng khẳng định cái tôi đạt dào tình cảm hướng tới cách mạng</p> <p>- Biểu hiện: + Ngợi ca cuộc sống mới, con người mới, + Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.</p> <p>→ Cảm hứng nâng đỡ con người vượt lên những chặng đường chiến tranh gian khổ, máu lửa, hi sinh.</p>

<p>“Đường ra trận mùa này đẹp lắm, Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây” (Phạm Tiến Duật).</p>	
<p>- Khuynh hướng sử thi kết hợp với cảm hứng lãng mạn đã tạo nên điều gì cho những tác phẩm văn học giai đoạn này?</p> <p>GV: Đó cũng là nét tâm lí chung của con người Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh ác liệt này. Dù hiện tại có chông chắt những gian khổ, khó khăn và sự hi sinh nhưng tâm hồn học lúc nào cũng có niềm tin tưởng lạc quan vào tương lai.</p>	<p>* Khuynh hướng sử thi kết hợp với cảm hứng lãng mạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo nên tinh thần lạc quan thâm nhuần cả nền văn học 1945 - 1975 - Đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển cách mạng. - Tạo nên đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn này về khuynh hướng thẩm mỹ
<p>* Hoạt động 2: Học sinh tìm hiểu vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá.</p> <p>- Hãy tóm tắt những nét chính về tình hình lịch sử, xã hội, văn hoá thời kì văn học này?</p> <p>HS: Đọc sách giáo khoa và phát biểu.</p> <p>-</p> <p>Trước những khó khăn như vậy, Đảng ta đã đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới như thế nào?</p> <p>HS: Đọc sách giáo khoa và phát biểu.</p>	<p><u>II. VÀI NÉT KHÁI QUÁT VHVN TỪ NĂM 1975 ĐẾN HẾT TK XX:</u></p> <p>1. <u>Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - 1975 - 1985: nước nhà hoàn toàn độc lập, thống nhất ta nhưng gặp phải những khó khăn thử thách mới. - Từ 1986: Đảng đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện. <ul style="list-style-type: none"> + Kinh tế: Chuyển sang kinh tế thị trường + Văn hoá: Tiếp xúc rộng rãi với nhiều nước trên thế giới → văn học có điều kiện giao lưu, tiếp xúc mạnh mẽ (văn học dịch thuật, báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ) → đổi mới văn học phù hợp với quy luật khách quan và nguyện vọng của văn nghệ sĩ
<p>- Tìm hiểu Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu</p> <p>GV: Tình hình thơ ca sau năm 1975 có đặc điểm gì?</p> <p>HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời</p>	<p>2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu:</p> <p>a. Thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thơ không tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như giai đoạn trước nhưng vẫn có những tác phẩm đáng chú ý: + Chế Lan Viên với khát vọng đổi mới thơ

	<p>ca qua các tập thơ <i>Di cảo</i>, + các cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ như Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Thanh Thảo...</p>
<p>- Thành tựu nổi bật của thơ ca giai đoạn này là hiện tượng gì? Với những tác phẩm tiêu biểu nào? HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời</p>	<p>- Trường ca nở rộ: + <i>Những người đi tới biển</i> (Thanh Thảo) + <i>Đường tới thành phố</i> (Hữu Thịnh) + <i>Trường ca sư đoàn</i> (Nguyễn Đức Mậu)</p>
	<p>- Những tác phẩm đáng chú ý: + <i>Tự hát</i> (Xuân Quỳnh) + <i>Người đàn bà ngồi đan</i> (Ý Nhi) + <i>Thư mùa đông</i> (Hữu Thịnh) + <i>Ánh trăng</i> (Nguyễn Duy) + <i>Xúc sắc mùa thu</i> (Hoàng Nhuận Cầm) + <i>Nhà thơ và hoa cỏ</i> (Trần Nhuận Minh) + <i>Gọi nhau qua vách núi</i> (Thị Hoàng) + <i>Tiếng hát tháng giêng</i> (Y Phương). <i>Sự mất ngủ của lửa</i> (Nguyễn Quang Thiều)</p>
<p>- Tình hình văn xuôi sau 1975 như thế nào? Những tác phẩm giai đoạn này có khuynh hướng gì mới? + HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời - Kể tên những tác phẩm tiêu biểu? + HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời gạch chân tên các tác phẩm trong SGK.</p>	<p>b. Văn xuôi: - Có nhiều khởi sắc hơn thơ ca. - Một số cây bút bộc lộ ý thức đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời sống. + <i>Đất trắng</i> (Nguyễn Trọng Oánh) + <i>Hai người trở lại trung đoàn</i> (Thái Bá Lộc) + <i>Đứng trước biển, Cù lao Tràm</i> (Nguyễn Mạnh Tuấn) + <i>Cha và con và ..., Gặp gỡ cuối năm</i> (Nguyễn Khải) + <i>Mưa mùa hạ, Mùa lá rụng trong vườn</i> (Ma Văn Kháng) + <i>Thời xa vắng</i> (Lê Lựu) + <i>Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Bến quê</i> (Nguyễn Minh Châu)</p>
<p>+ GV: Từ năm 1986, văn học chính thức đổi mới như thế nào? Nêu tên một vài tác phẩm theo khuynh hướng đổi mới? + HS: Trao đổi và trả lời. + GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK.</p>	<p>- Từ năm 1986: văn học chính thức bước vào thời kì đổi mới: gắn bó, cập nhật hơn đối với những vấn đề đời sống. Văn xuôi thực sự khởi sắc với các thể loại: + Tập truyện ngắn: o <i>Chiến thuyền ngoài xa, Cỏ Lầu</i> (Nguyễn Minh Châu)</p>

	<ul style="list-style-type: none"> o <i>Tướng về hưu</i> (Nguyễn Huy Thiệp) + Tiểu thuyết: <ul style="list-style-type: none"> o <i>Mảnh đất lắm người nhiều ma</i> (Nguyễn Khắc Tường) o <i>Bến không chồng</i> (Dương Hương) o <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> (Bảo Ninh) + Bút kí: <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường) + Hồi kí: <i>Cát bụi chân ai</i>, <i>Chiều chiều</i> (Tô Hoài)
<ul style="list-style-type: none"> + GV: Tình hình kịch nói sau 1975 như thế nào? + HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời + GV: Yêu cầu học sinh gạch chân tên các tác phẩm trong SGK. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kịch nói: phát triển mạnh mẽ + <i>Hồn Trương Ba da hàng thịt</i> (Lưu Quang Vũ) + <i>Mùa hè ở biển</i> (Xuân Trình), ... - Lí luận phê bình: có nhiều đổi mới, xuất hiện một số cây bút trẻ có triển vọng
<p>- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số phương diện đổi mới trong văn học sau 1975.</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV: Hãy thử nêu các phương diện đổi mới của văn học từ 1986 trở đi ? + HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời + GV: Nêu những thành tựu nổi trội của văn học VN 1945-1975? + HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời <ul style="list-style-type: none"> + GV: Quá trình đổi mới cũng bộc lộ những khuynh hướng lệch lạc nào? + HS: Đọc sách giáo khoa và trả lời 	<p>2. Những dấu hiệu của sự đổi mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo khuynh hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc. - Phát triển đa dạng hơn về đề tài, chủ đề; phong phú và mới mẻ về thủ pháp nghệ thuật, cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy - Khám phá con người trong những mối quan hệ đa dạng và phức tạp, thể hiện con người ở nhiều phương diện của đời sống, kể cả đời sống tâm linh. → Cái mới của văn học giai đoạn này là tính chất hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp, đời thường. → Văn học cũng nảy sinh xu hướng: nói nhiều đến mặt trái của xã hội, có khuynh hướng bạo lực.
<p>* Hoạt động 3: Hướng dẫn học sinh tổng kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV: Gọi 1 học sinh đọc phần Kết 	<p>III. KẾT LUẬN: Ghi nhớ (SGK).</p>

<p>luận trong SGK</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh gấp sách và thực hiện một bài tập ngắn:</p> <p>Trong khoảng 7, 8 dòng hãy tổng kết những nét chính cần ghi nhớ trong bài học.</p> <p>+ GV: Gọi 2 -3 học sinh đọc lời tự tổng kết. Sau đó cho học sinh đọc phần Ghi nhớ trong SGK.</p>	
---	--

4.Củng cố, dặn dò: Năm chắc:

- a. Quá trình phát triển những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 – 1975
- b. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ CMTT 1945 – 1975
- c. Những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam từ 1975 đến hết thế kỉ XX

5.Hướng dẫn về nhà:

- Học bài, tìm đọc các tác phẩm của giai đoạn văn học này. Tóm tắt ra giấy những nội dung chủ yếu của bài học.
- Gọi ý giải bài tập:
 - + Vấn đề mà Nguyễn Đình Thi đề cập là vấn đề mới quan hệ giữa văn nghệ và kháng chiến:
 - + Văn nghệ phụng sự kháng chiến (trong hoàn cảnh có chiến tranh).
 - + Hiện thực cách mạng và kháng chiến đem đến cho văn nghệ cảm hứng sáng tạo mới, chất liệu mới.
- Đọc lại bài học, học thuộc Ghi nhớ, viết một đoạn văn ngắn cho đề bài luyện tập
- Chuẩn bị bài mới: **NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ.**

Câu hỏi soạn bài:

1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài của sách giáo khoa bằng cách trả lời những câu hỏi hướng dẫn.
2. Từ việc trả lời những câu hỏi đó, cho biết thế nào là nghị luận về một tư tưởng, đạo lí?
3. Yêu cầu của một bài văn về tư tưởng đạo lý về nội dung và hình thức như thế nào?

Tiết 3-Làm văn

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh :

- Nắm được cách viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12 – tập 1.
- Giáo án Ngữ văn 12 – tập 1.
- Bài tập Ngữ văn 12 – tập 1.
- Các tài liệu tham khảo khác...

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: phân tích với phương pháp gợi mở nêu vấn đề, thuyết trình, trao đổi thảo luận...

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định lớp: Kiểm tra sĩ số

12D

12I

12K

12M

12P

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu hỏi:

- a. Văn học Việt Nam từ 1945 – 1975 phát triển trong một hoàn cảnh như thế nào?
- b. Văn học giai đoạn này có gì khác so với giai đoạn văn học trước cách mạng tháng Tám?
- c. Văn học giai đoạn này phát triển qua mấy chặng đường và đã đạt được những thành tựu tiêu biểu nào?

3. Giảng bài mới:

Vào bài:

*Ở chương trình Ngữ văn lớp 10 và 11, chúng ta đã được học về thể văn nghị luận. Trong chương trình lớp 12, chúng ta sẽ tiếp tục hoàn thiện về thể văn này với một đề tài nghị luận khác: **Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.***

Tiết 3-Làm văn

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>* Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Cách làm bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí - Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh Tìm hiểu đề và lập dàn ý</p>	<p>I. Cách làm bài NLXH về một tư tưởng, đạo lí: 1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý: Đề bài: Anh (chị) hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu: <i>“ Ôi ! Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn? ”</i></p>
<p>+ GV: Câu thơ của Tố Hữu nêu lên vấn đề gì? + HS: Trao đổi thảo luận và trả lời + GV: Thế nào là “sống đẹp”? + HS: Phát biểu</p>	<p>a. Tìm hiểu đề: - Vấn đề nghị luận: lối sống đẹp của mỗi người . - Để sống đẹp, mỗi người cần xác định: + Lí tưởng (mục đích sống) đúng đắn, cao cả, + Tâm hồn, tình cảm lành mạnh, nhân hậu + Trí tuệ (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt + Hành động tích cực, lương thiện</p>
<p>+ GV: Với thanh niên, học sinh, để trở thành người “sống đẹp”, cần phải có những phẩm chất nào? + HS: Phát biểu tự do.</p>	<p>- Với thanh niên, học sinh muốn trở thành người “ <i>sống đẹp</i>” cần: + Chăm chỉ học tập, khiêm tốn học hỏi, biết nuôi dưỡng hoài bão, ước mơ + Thường xuyên tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, có tinh thần bao dung, độ lượng</p>
<p>+ GV: Cần vận dụng những thao tác lập nào để giải quyết vấn đề trên? + HS: Phát biểu.</p> <p>+ GV: Bài viết có thể sử dụng những tư liệu từ đâu? + HS: Phát biểu</p>	<p>- Các thao tác lập luận cần vận dụng: + Giải thích (“sống đẹp”); + Phân tích (các khía cạnh biểu hiện của “sống đẹp”); + Chứng minh, bình luận (nêu những tấm gương người tốt; bàn cách thức rèn luyện để “sống đẹp”; phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực) - Dẫn chứng: chủ yếu tư liệu thực tế, có thể lấy dẫn chứng trong thơ văn nhưng không cần nhiều.</p>
<p>+ GV: Mở bài phải đảm bảo những</p>	<p>b. Lập dàn ý: * Mở bài: Phải bảo đảm hai yêu cầu</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>yêu cầu nào? Ta có thể mở bài bằng những cách nào?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p> <p>+ GV: Gọi học sinh thử tập mở bài?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p> <p>+ GV: Đọc một mở bài mẫu: <i>Tố Hữu tuổi thanh niên đã “Bâng khuâng đi kiếm lẽ yêu đời”, “Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước” và đã chọn lí tưởng Cộng sản, chọn lối sống đẹp, “là con của vạn nhà”. Vì vậy, ông rất chú ý đến lối sống, “sống đẹp”.</i></p> <p>→ Giới thiệu chung vấn đề. <i>Cho nên trong những khúc ca của lòng mình, Tố Hữu đã tha thiết gieo vào lòng người, nhất là thế hệ trẻ, câu hỏi: “Ôi! Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn.”</i></p> <p>→ Nêu luận đề cụ thể.</p>	<p>chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung vấn đề (diễn dịch, quy nạp hay phản đề... đều phải dẫn đến vấn đề nghị luận) - Nêu luận đề cụ thể (dẫn nguyên văn hoặc tóm tắt đều phải xuất hiện câu/đoạn chứa luận đề)
<p>- Phần thân bài cần sắp xếp các ý theo trình tự như thế nào?</p> <p>HS: Phát biểu</p> <p>GV: Lần lượt chốt lại các ý kiến phát biểu của học sinh</p> <p>GV: Cung cấp cho HS những ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Những tấm gương hi sinh cao cả vì lý tưởng: Hồ Chí Minh, Nguyễn Trãi, Trần Bình Trọng, Lê Văn Tám, Võ Thị Sáu... * “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình” <i>(Từ ấy - Tố Hữu).</i> * “Sống là cho, chết cũng là cho” <i>(Tố Hữu).</i> 	<p>* Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> a- Giải thích thế nào là lối sống đẹp? b- Phân tích, chứng minh các khía cạnh biểu hiện của sống đẹp bằng <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ví dụ điển hình, tập trung, tiêu biểu cho các khía cạnh đã nêu (Tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh) - Mỗi khía cạnh quan trọng đưa ra dẫn chứng tiêu biểu khác nhau hoặc trong đời sống thường ngày mà ai cũng phải thừa nhận (một gương người tốt, một việc làm đẹp) c. Bình luận: Khẳng định lối sống đẹp: <ul style="list-style-type: none"> - Là mục đích, lựa chọn, biểu hiện của con người chân chính, xứng đáng là người - Có thể thấy ở những vĩ nhân nhưng cũng có ở con người bình thường; có thể là hành động cao cả, vĩ đại, nhưng cũng thấy trong hành vi, cử chỉ thường ngày - Chủ yếu thể hiện qua lối sống, hành động. <ul style="list-style-type: none"> - Bác bỏ và phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực...

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
	- Liên hệ bản thân.
<p>+ GV: Lưu ý HS: @ Thứ nhất, cần kết hợp các thao tác nghị luận với nội dung cần nghị luận để được các PHẦN của thân bài. Thông thường, mở đầu PHẦN là tên của thao tác. @ Thứ hai, nghị luận về tư tưởng, đạo lí nói chung cần có phần liên hệ thực tế và bản thân. @ Thứ ba, hai thao tác chủ yếu là giải thích và phân tích. Nhưng phân tích bao giờ cũng gắn với CM, SS, BL, BB. Chỉ khi nào thấy cần thiết mới tách CM, BL, BB thành phần riêng.</p>	
<p>+ GV: Phần kết bài ta có thể kết thúc vấn đề bằng những ý chính nào? + HS: Phát biểu + GV: Chốt lại các ý.</p>	<p>* Kết bài: - Khẳng định ý nghĩa của lối sống đẹp: là chuẩn mực đạo đức, nhân cách của con người - Nhắc nhở mọi người coi trọng lối sống đẹp, sống cho xứng đáng; cảnh tỉnh sự mất nhân cách của thế hệ trẻ trong đời sống nhiều cám dỗ hiện nay.</p>
<p>- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách làm một bài văn về tư tưởng, đạo lí. GV: Qua cách làm bài văn trên, em hiểu thế nào là nghị luận về một tư tưởng, đạo lí? HS: Phát biểu - Nêu khái niệm: Là quá trình kết hợp các thao tác nghị luận để là rõ vấn đề về tư tưởng, đạo lí trong cuộc sống GV: Giới thiệu những đề tài của tư tưởng, đạo lí - Nhận thức (lý tưởng, mục đích). - Tâm hồn, tính cách (Lòng yêu nước, nhân ái, bao dung, độ lượng, thói ích kỷ, ba hoa, vụ lợi....)</p>	<p>2. Cách làm một bài văn về tư tưởng, đạo lí:</p> <p>a. Đối tượng được đưa ra nghị luận: là một tư tưởng, đạo lí (<i>Nhận thức, Tâm hồn, tính cách, Quan hệ gia đình, Quan hệ xã hội, Cách ứng xử, hành động trong cuộc sống...</i>)</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ gia đình - Quan hệ xã hội - Cách ứng xử, hành động trong cuộc sống... <p>→ Không phải là một hiện tượng đời sống, cũng không phải là một vấn đề văn học.</p>	<p>Vấn đề thường được phát biểu ngắn gọn, cô đúc, khái quát.</p>
<p>GV: Nêu thứ tự các bước tiến hành khi nghị luận về một tư tưởng, đạo lí? HS: Phát biểu GV: Lần lượt chốt lại vấn đề</p> <p>GV: Nêu thứ tự các bước tiến hành thành công thức:</p> <p>Giới thiệu - Giải thích - Phân tích và Chứng minh - Bình luận và Bác bỏ - Khẳng định và Nêu ý nghĩa, rút ra bài học</p>	<p>b. Cách thức tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề đưa ra bàn luận. - Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (Nêu các khía cạnh biểu hiện của tư tưởng, đạo lí này) - Phân tích, chứng minh, bình luận các khía cạnh; bác bỏ, phê phán những sai lệch liên quan. - Khẳng định chung, nêu ý nghĩa, liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hành động.
<p>Cách diễn đạt trong bài văn về tư tưởng đạo lí cần tuân thủ những yêu cầu nào ? HS: Phát biểu</p>	<p>* Diễn đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn xác, mạch lạc - Có thể sử dụng phép tu từ, biểu cảm nhưng phải ở mức độ phù hợp
<p>+ GV: Gọi học sinh đọc phần Ghi nhớ. + HS: Đọc phần Ghi nhớ</p>	<p>→ Ghi nhớ (Sách giáo khoa trang 21)</p>
<p>* Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh luyện tập.</p> <p>- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh luyện tập Bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV: Vấn đề mà tác giả nêu ra trong bài viết là gì? + HS: Phát biểu + GV: Có thể đặt tên cho văn bản là gì? + HS: Phát biểu <ul style="list-style-type: none"> + GV: Tác giả sử dụng các thao tác lập luận nào? + HS: Phát biểu <p>- Nhận xét về cách diễn đạt trong văn</p>	<p>3. LUYỆN TẬP:</p> <p>a. Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Vấn đề:</u> văn hóa, sự khôn ngoan của mỗi con người ... - <u>Có thể đặt tên cho văn bản là :</u> Văn hóa con người , Thế nào là người sống có văn hóa... - <u>Tác giả sử dụng các thao tác :</u> Giải thích (Đoạn 1), Phân tích (Đoạn 2), Bình luận (Đoạn 3)... - <u>Cách diễn đạt trong văn bản:</u> rất đặc sắc,

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>bản?</p> <p>HS: Nhận xét .</p> <p>+ GV: Giải thích thêm:</p> <p>Đưa ra nhiều câu hỏi rồi tự trả → nhằm lôi cuốn người đọc theo suy nghĩ của mình</p> <p>o <u>Phân tích và bình luận:</u> Trực tiếp đối thoại với người đọc → tạo quan hệ gần gũi, thân mật, thẳng thắn với người đọc.</p> <p>o <u>Phần cuối:</u> Dẫn đoạn thơ của nhà thơ Hy Lạp → vừa tóm lược các luận điểm, vừa gây ấn tượng, dễ nhớ và hấp dẫn.</p>	<p>khá sinh động, hấp dẫn.</p> <p>+ Dùng câu nghi vấn để thu hút.</p> <p>+ Đối thoại trực tiếp để tạo gần gũi và sự thẳng thắn</p> <p>+ Dẫn thêm thơ để gây ấn tượng, hấp dẫn</p>
<p>- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh luyện tập Bài tập 2</p> <p>+ GV: Nhắc lại hệ thao tác đã đúc gạn: Giới – Giải – Phân – Chứng – Bình – Bác – Khẳng – Nêu ; vừa phân tích thao tác vừa cho “MẪU”</p> <p>+ GV: Nêu ví dụ thao tác Giới thiệu</p> <p><i>Người ta nói, lạc rừng cứ nhìn sao Bắc Đẩu mà đi, vì sao Bắc Đẩu chỉ cho ta đường đi đúng. Trong cuộc sống mỗi con người, lí tưởng được ví như sao Bắc Đẩu vậy. Về điều này, nhà văn L. Tôn – xtoi đã từng nói: “Lí tưởng ...”</i></p> <p>+ GV: Yêu cầu HS thực hiện các phần còn lại ở nhà.</p> <p>+ HS: Theo dõi, ghi nhận</p>	<p>b. Bài tập 2:</p> <p>Hs làm bài theo sự gợi ý của gv</p> <p>- Giải thích các khái niệm: “<i>lí tưởng, cuộc sống</i>”, ý nghĩa câu nói của nhà văn L. Tôn-xtoi .</p> <p>- “<i>lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường</i>”: Đưa ra phương hướng cho cuộc sống của Thanh niên trong tương lai</p> <p>→ thanh niên sống cần có lí tưởng , biết đề ra mục tiêu để phấn đấu vươn tới ước mơ...</p> <p>- <i>Vai trò của lí tưởng:</i> Lí tưởng có vai trò quan trọng trong đời sống của thanh niên, là yếu tố quan trọng làm nên cuộc sống con người .</p> <p>- Cần đặt ra câu hỏi để nghị luận:</p> <p>+ Tại sao cần sống có lí tưởng?</p> <p>+ Làm thế nào để sống có lí tưởng?</p> <p>+ Người sống không lí tưởng thì hậu quả như thế nào?</p> <p>+ Lí tưởng của thanh niên, học sinh ngày nay ra sao?</p> <p>- <i>Rút ra bài học</i> cho bản thân, hoàn thiện nhân cách để sống tốt hơn, có ích hơn cho xã hội ...</p>

4.Củng cố, dặn dò: Năm chắc:

-Các bước tiến hành khi làm bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý

5.Hướng dẫn về nhà:

- Hoàn thiện bài tập 2.
- Chuẩn bị bài: “**Tuyên ngôn độc lập**” - **Hồ Chí Minh** (Phần một-tác giả)

Câu hỏi:

- Hãy giới thiệu vài nét về tiểu sử của Bác?
- Nêu những mốc thời gian hoạt động cứu nước của Bác?
- Nêu những nét cơ bản trong quan điểm sáng tác của Người?- Nêu những nét cơ bản về di sản văn học: Văn chính luận, truyện và kí, thơ ca của chủ tịch Hồ Chí Minh?

Tuần 2:

Ngày soạn 18/8/2013

Tiết 4:

Độc văn
TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP
HỒ CHÍ MINH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh nắm được

- Nắm được những nét khái quát nhất về sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh;
- Thấy được giá trị nhiều mặt và ý nghĩa to lớn của “Tuyên ngôn độc lập” cũng như vẻ đẹp của tư tưởng và tâm hồn tác giả.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN: Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.
- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12 – tập 1.
- Giáo án Ngữ văn 12 – tập 1.
- Bài tập Ngữ văn 12 – tập 1.
- Các tài liệu tham khảo khác...

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

- GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: gợi tìm, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

- Riêng phần tác giả: Hướng dẫn học sinh ở nhà đọc kĩ sách giáo khoa và trả lời câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài*. GV nêu câu hỏi, HS trả lời và thảo luận; sau đó GV nhấn mạnh khắc sâu những ý chính

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định lớp: Kiểm tra sĩ số

12D

12

12

12

12

2. Kiểm tra bài cũ:

(?)Nêu và phân tích ngắn gọn những đặc điểm chính của VHVN từ sau CMTT đến năm 1975?

(?)Trình bày khái quát về VHVN từ sau 1975 đến hết TK XX.

(?)Trình bày những dấu hiệu đổi mới của VHVN từ sau 1975 đến hết TK XX.

3. Giảng bài mới:

Vào bài: Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, người mở đường cho văn học cách mạng. Sự nghiệp văn học của Người rất đặc sắc về nội dung tư tưởng, phong phú đa dạng về thể loại và phong cách sáng tác. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>* Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vài nét về tiểu sử của Bác.</p> <p>- Thao tác 1: Tìm hiểu vài nét về tiểu sử</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh đọc nhanh mục Tiểu sử trong SGK.</p> <p>+ GV: Kết hợp với những hiểu biết của mình, trình bày ngắn gọn tiểu sử của Hồ Chí Minh?</p> <p>+ HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời.</p> <p>+ GV: Nói thêm: Chính vì vậy, người am hiểu văn hóa, văn học phương Đông (Trung Quốc) và văn hoá, văn học phương Tây (Pháp). Hai dòng văn học phương Đông và phương Tây huyện chảy trong huyết mạch văn chương của Bác.</p>	<p>PHẦN MỘT: TÁC GIẢ</p> <p>I. Vài nét về tiểu sử:</p> <p>- Xuất thân: Sinh ngày 19-5-1890, trong một gia đình nhà nho yêu nước.</p> <p>- Quê quán: làng Kim Liên, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An</p> <p>- Song thân:</p> <p>+ Cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc</p> <p>+ Mẹ là cụ bà Hoàng Thị Loan</p> <p>- Học vấn:</p> <p>+ Thời trẻ, học chữ Hán ở nhà</p> <p>+ Học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Quốc học Huế.</p> <p>+ Có thời gian dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết)</p>
<p>- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu quá trình hoạt động cách mạng của Bác.</p> <p>+ GV: Nêu những mốc thời gian hoạt động Cách mạng của Bác?</p> <p>+ HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời.</p>	<p>- Quá trình hoạt động cách mạng:</p> <p>+ 1911: ra đi tìm đường cứu nước.</p> <p>+ 1919: gọi tới Hội nghị Véc-xây “<i>Bản yêu sách của nhân dân An Nam</i>”</p> <p>+ 1920: Dự đại hội Tua, là một trong những thành viên sáng lập Đảng cộng</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
	<p>sản Pháp</p> <p>+ 1923 - 1941: Hoạt động ở Liên Xô, Trung Quốc và Thái Lan, tham gia thành lập nhiều tổ chức cách mạng:</p> <p>@ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925),</p> <p>@ Chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước tại Hương Cảng,</p> <p>@ Đảng cộng sản Việt Nam.</p> <p>+ 1941: Về nước lãnh đạo cách mạng.</p> <p>+ 1942 – 1943: bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt và giam giữ ở các nhà ngục Quảng Tây, Trung Quốc.</p> <p>+ Sau khi ra tù: về nước, lãnh đạo cách mạng</p> <p>+ 1946: được bầu làm chủ tịch nước VNDCCH.</p> <p>+ 2 – 9 – 1969: Người tù trần.</p>
<p>+ GV: cung cấp thêm: Năm 1990, kỉ niệm 100 năm ngày sinh của chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) suy tôn là “Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa”</p> <p>→ Sự nghiệp chính là sự nghiệp cách mạng, nhưng người cũng để lại một sự nghiệp văn học to lớn.</p>	<p>→ Vị lãnh tụ vĩ đại, đồng thời là nhà văn, nhà thơ lớn với di sản văn học quý giá.</p>
<p>* Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh.</p> <p>- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu quan điểm sáng tác của Bác</p> <p>+ GV: Giải thích khái niệm <i>quan điểm sáng tác</i>:</p> <p>@ Quan: quan sát, nhìn nhận</p> <p>@ Điểm: chỗ đứng</p> <p>→ Chỗ đứng để nhìn nhận nghệ thuật. Là lập trường, tư tưởng, quan niệm, ý kiến của nhà văn về văn học.</p> <p>Mỗi nhà văn đều có quan điểm sáng tác</p>	<p>II. Sự nghiệp văn học:</p> <p>1. Quan điểm sáng tác:</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>của mình. Quan điểm sáng tác đó được bộc lộ trong những tác phẩm của họ.</p> <p>+ GV: Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có những nội dung nào?</p> <p>+ GV: Trong bài thơ <i>Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”</i>, Hồ Chí Minh đã xác định vai trò của thơ ca và nhà thơ như thế nào? Em hiểu thế nào là chất “<i>thép</i>” trong thơ?</p> <p>+ GV: Gọi học sinh lần lượt trả lời và chốt lại vấn đề:</p> <p>@ Bác quan niệm: Trong thơ phải có chất “<i>thép</i>”, văn nghệ sĩ phải là người chiến sĩ.</p> <p>@ Chất “<i>thép</i>” mà Bác muốn nói tới ở đây là tính chiến đấu của thơ ca. Bên cạnh <i>Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi sông</i>, thơ ca cần hướng đến cuộc đời, tranh đấu cho hạnh phúc của con người, gắn bó với sự nghiệp cách mạng và vận mệnh dân tộc. Nhưng không phải cứ “<i>nói chuyện thép</i>”, “<i>lên giọng thép</i>” mới là có “<i>tinh thần thép</i>”. Nhiều bài thơ của Bác ở <i>Nhật kí trong tù</i> mà các em đã được học, chất thép lại tỏ ra từ những rung động của người nghệ sĩ trước thiên nhiên và cuộc sống con người. Nói như nhà thơ Hoàng Trung Thông:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Văn thơ của Bác văn thơ thép Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình”</i></p>	<p>a. Văn học là một thứ vũ khí lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng, nhà văn là người chiến sĩ xung phong trên mặt trận văn hoá tư tưởng:</p> <p>- “<i>Nay ở trong thơ nên có thép Nhà thơ cũng phải biết xung phong</i>” (Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”).</p> <p>- “<i>Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy</i>”. (Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951)</p>
<p>+ GV: Vì sao Hồ Chí Minh lại đề cao tính chân thực và tính dân tộc của văn học?</p>	<p>b. Tính chân thực và tính dân tộc trong văn học:</p> <p>- Tính chân thực: cảm xúc chân thật, phản ánh hiện thực xác thực</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ HS: Trả lời</p> <p>+ GV: Những lời phát biểu nào của Người thể hiện được quan niệm này của Bác?</p> <p>+ HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời.</p> <p>+ GV: Người còn nhắc nhở giới văn nghệ sĩ điều gì để thể hiện được tính dân tộc trong tác phẩm văn chương?</p> <p>+ HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời.</p>	<p>+ Người nhắc nhở những tác phẩm: <i>“chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt rất ít”</i></p> <p>+ Người căn dặn: <i>“miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn”,</i> phải <i>“giữ tình cảm chân thật”</i>.</p> <p>- Tính dân tộc:</p> <p>+ Người nhắc nhở giới nghệ sĩ: phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi viết, <i>“nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc”</i></p> <p>+ Người đề cao sự sáng tạo của văn nghệ sĩ: <i>“chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo”</i>.</p>
<p>+ GV: Bốn câu hỏi Hồ Chí Minh tự đặt ra khi cầm bút sáng tác văn học là gì?</p> <p>+ HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời.</p> <p>+ GV: Vì sao không phải là tất cả các sáng tác của Hồ Chí Minh đều dễ hiểu, đều mộc mạc, giản dị như nhau?</p> <p>+ GV: Phương châm sáng tác nói trên giải thích vì sao trong những tác phẩm của Bác, có những bài văn, bài thơ lời lẽ nô nã, giản dị, dễ hiểu nhưng cũng có những tác phẩm đạt trình độ nghệ thuật cao, phong cách độc đáo:</p> <p>Báo tiệp:</p> <p style="text-align: center;"><i>Trăng vào cửa sổ đòi thơ Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu Ấy tin thắng trận Liên khu báo về</i></p> <p>Tặng Bùi Công:</p> <p style="text-align: center;"><i>Xem sách chim rìng vào cửa đậu</i></p>	<p>c. Sáng tác xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm:</p> <p>Người luôn đặt 4 câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>“Viết cho ai?”</i> (Đối tượng), - <i>“Viết để làm gì?”</i> (Mục đích), - <i>“Viết cái gì?”</i> (Nội dung). - <i>“Viết thế nào?”</i> (Hình thức). <p>→ Tùy trường hợp cụ thể, Người vận dụng phương châm đó theo những cách khác nhau → Tác phẩm của Người có tư tưởng sâu sắc, nội dung thiết thực, hình thức sinh động, đa dạng.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p><i>Phê văn hoa núi chiếu nghiêng soi Tin vui thắng trận dồn chân ngựa Nhớ cụ thơ xuân tặng một bài.</i></p> <p>Vãn cảnh: <i>Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng, Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình; Hương hoa bay thâu vào trong ngực, Kể với tù nhân nổi bất bình.</i></p>	
<p>- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu di sản văn học của Bác. + GV: Những bài văn chính luận được Bác viết ra nhằm mục đích gì? + HS: Trả lời.</p>	<p>2. Di sản văn học: a. Văn chính luận: - Cơ sở: Khát vọng giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ. - Mục đích: Đấu tranh chính trị, tiến công trực diện kẻ thù, giác ngộ quần chúng và thể hiện những nhiệm vụ cách mạng của dân tộc qua những chặng đường lịch sử.</p>
<p>+ GV: Nêu và phân tích một số tác phẩm văn chính luận tiêu biểu của Bác? + HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời. + GV: Nội dung của những tác phẩm này nêu lên điều gì? + HS: Trả lời. + GV: Tác phẩm này lay động tình cảm người đọc nhờ vào cách viết như thế nào? + HS: Trả lời.</p> <p>+ GV: Văn bản này có những giá trị gì? + HS: Trả lời.</p> <p>+ GV: Những văn bản này có ý nghĩa gì? + HS: Trả lời.</p>	<p>- Tác phẩm tiêu biểu: + “<i>Bản án chế độ thực dân Pháp</i>” (1925) @ Tô cáo đanh thép tội ác của thực dân Pháp ở thuộc địa @ Lay động người đọc bằng những sự việc chân thật và nghệ thuật châm biếm, đả kích sắc sảo, trí tuệ.</p> <p>+ “<i>Tuyên ngôn độc lập</i>” (1945) @ Một văn kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại và là một áng văn chính luận mẫu mực (bố cục ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, ngôn ngữ hùng hồn, giàu tính biểu cảm) @ Thể hiện tình cảm cao đẹp của Bác với dân tộc, nhân dân và nhân loại + Các tác phẩm khác: “<i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i>” (1946); “<i>Không có gì quý hơn độc lập, tự do</i>” (1966) ...</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
	<p>→ Được viết trong những giờ phút thử thách đặc biệt của dân tộc, thể hiện tiếng gọi của non sông đất nước, văn phong hòa sáng, tha thiết, làm rung lòng người.</p>
<p>+ GV: Những tác phẩm truyện và kí của Bác được viết nhằm mục đích gì? Kể tên những tác phẩm truyện và kí tiêu biểu của Bác? + HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời.</p>	<p>b. Truyện và kí: - Mục đích: + Vạch trần bộ mặt tàn ác, xảo trá, bịp bợm của chính quyền thực dân, châm biếm sâu cay vua quan phong kiến ôm chân thực dân xâm lược, + Bộc lộ lòng yêu nước nồng nàn và tự hào về truyền thống anh dũng bất khuất của dân tộc - Tác phẩm tiêu biểu: + <i>Pa-ri</i> (1922), + <i>Lời than vãn của bà Trưng Trắc</i> (1922), + <i>“Vi hành”</i> (1923), + <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> (1925), + <i>Nhật kí chìm tàu</i> (1931), + <i>Vừa đi đường vừa kể chuyện</i> (1963)...</p>
<p>+ GV: Những tác phẩm này có những đặc điểm gì nổi bật? + HS: trả lời.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật: Chất trí tuệ và tính hiện đại, ngòi bút châm biếm vừa sâu sắc, vừa đầy tính chiến đấu, vừa tươi tắn, hóm hỉnh.</p>
<p>+ GV giới thiệu: Đây là lĩnh vực nổi bật trong di sản văn học của Bác. Người đã để lại trên 250 bài thơ và đã được giới thiệu qua các tập thơ: o <i>Nhật kí trong tù</i> – 134 bài thơ o <i>Thơ Hồ Chí Minh</i> – 196 bài o <i>Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh</i> – 36 bài Trong số những tác phẩm này, tác phẩm tiêu biểu nhất là <i>Nhật kí trong tù</i>. + GV: Tác phẩm được Bác viết trong khoảng thời gian nào, nhằm mục đích gì? + HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời.</p>	<p>c. Thơ ca: * Nhật kí trong tù: - Mục đích: Sáng tác trong thời gian bị cầm tù trong nhà giam Tưởng Giới Thạch tù</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ GV: Tác phẩm đã ghi lại những gì? Nêu ví dụ một tác phẩm tiêu biểu của Bác?</p> <p>+ HS: Trả lời.</p> <p>+ GV: Qua một số bài thơ đã học, em hiểu được những gì về Bác?</p> <p>+ HS: Trả lời.</p> <p>+ GV: Nêu một số ví dụ tiêu biểu.</p>	<p>mùa thu 1942 đến mùa thu 1943 → “ngày dài ngâm ngợi cho khuây”</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Ghi lại chân thật, chi tiết những điều mắt thấy tai nghe trong nhà tù và trên đường đi đày.</p> <p>+ Bức chân dung tự hoạ về con người tinh thần Hồ Chí Minh:</p> <p>@ nghị lực phi thường;</p> <p>@ tâm hồn khao khát hướng về Tổ quốc;</p> <p>@ vừa nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, dễ xúc động trước nỗi đau của con người;</p> <p>@ vừa tinh tường phát hiện những mâu thuẫn của xã hội mục nát để tạo tiếng cười đầy chất trí tuệ</p>
<p>+ GV: Qua nội dung trên và một số bài thơ đã được học, em có nhận xét gì về giá trị của tập thơ?</p> <p>+ HS: Trả lời.</p>	<p>→ Tập thơ sâu sắc về tư tưởng, độc đáo, đa dạng về bút pháp, kết tinh giá trị và tư tưởng nghệ thuật thơ ca Hồ Chí Minh.</p>
<p>+ GV: Những bài thơ này được Bác viết nhằm những mục đích gì?</p> <p>+ HS: Trả lời.</p> <p>+ GV: Nêu tên một số tác phẩm tiêu biểu của Bác?</p> <p>+ HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời.</p> <p>+ GV: Những bài thơ này có đặc điểm gì nổi bật?</p> <p>+ GV: Những tác phẩm văn học của Bác thể hiện quan điểm sáng tác như thế nào? (Dành cho HS khá, giỏi)</p> <p>+ HS thảo luận chung và lần lượt trả lời.</p> <p>+ GV chốt lại và giảng thêm:</p>	<p>* Chùm thơ sáng tác ở Việt Bắc (1941-1945):</p> <p>- Mục đích: tuyên truyền và thể hiện những tâm sự của vị lãnh tụ ưu nước ái dân</p> <p>- Tác phẩm:</p> <p>+ Thơ tuyên truyền: <i>Dân cày, Công nhân, Ca binh lính, Ca sợi chỉ ...</i></p> <p>+ Thơ nghệ thuật: <i>Pắc Bó hùng vĩ, Tức cảnh Pắc Bó, Đăng sơn, Nguyên tiêu, Báo tiếp, Cảnh khuya...</i></p> <p>- Đặc điểm nổi bật: vừa cổ điển vừa hiện đại, thể hiện cốt cách, phong thái điềm tĩnh, ung dung tự tại.</p>
<p>* Quan sát khái quát khái quát sự nghiệp văn học của Bác, ta thấy có sự phù</p>	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>hợp, thống nhất giữa quan điểm và thực tiễn sáng tác văn học của Người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học thật sự trở thành vũ khí lợi hại phụng sự cho sự nghiệp CM: Nó gắn với những nhiệm vụ cụ thể của CM trong từng thời điểm. + Truyện và kí: viết những năm 20 của thế kỉ XX trên đất Pháp → là vũ khí đấu tranh chính trị, tấn công trực diện kẻ thù + Văn chính luận: <ul style="list-style-type: none"> @ <i>Tuyên ngôn độc lập</i>: gắn liền với sự kiện lịch sử trọng đại (chấm dứt chế độ thực dân phong kiến trên đất nước ta, mở ra kỉ nguyên độc lập tự do cho dân tộc) @ <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i>: vang lên trong giờ phút thử thách đặc biệt của dân tộc. @ <i>Nhật kí trong tù</i>: ghi chép trung thực đề động viên tinh thần chiến đấu trong hoàn cảnh tù đày. - Các tác phẩm hiện lên vẻ đẹp của một <i>nhà thơ, nhà văn, cũng là một người chiến sĩ</i>. - Người chiến sĩ kiên định ấy có lòng “<i>ham muốn tột bậc</i>” là “<i>nước nhà được độc lập, dân ta được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành</i>” → tính chân thực, tính dân tộc của tác phẩm văn học. Đồng thời, phát huy được sự sáng tạo, thể hiện trí tưởng tượng phong phú của người nghệ sĩ. 	
<p>- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về phong cách nghệ thuật thơ văn của Bác.</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV: Giải thích khái niệm <i>Phong cách nghệ thuật</i> @ Là những đặc điểm riêng biệt về tư tưởng và hình thức nghệ thuật của nhà văn trong cách nhìn, cảm nhận cuộc sống và con người, trong cách chọn đề tài, chủ đề, cấu trúc tác phẩm... @ Mỗi nhà văn tài năng đều có phong cách riêng, càng là nhà văn lớn, phong cách càng đậm nét. + GV: Ta có thể nhận định chung như thế nào về phong cách nghệ thuật thơ văn của Bác? + HS: trả lời. + GV: Giải thích thêm: @ Ngay từ nhỏ, HCM đã được sống trong không khí của văn chương cổ điển VN và TQ, của thơ Đường, thơ Tống... Trong thời gian hoạt động CM ở nước 	<p>3. Phong cách nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nhận định chung: - Độc đáo, đa dạng; - Bắt nguồn từ: <ul style="list-style-type: none"> + Truyền thống gia đình, hoàn cảnh sống, quá trình hoạt động CM, chịu ảnh hưởng và chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>ngoài, sống ở Pa-ri, Luân Đôn, Oa-sinh-ton, Ca-li-phoóc-ni-a, Hồng Kông... tiếp xúc và chịu ảnh hưởng tư tưởng nghệ thuật của nhiều nhà văn Âu. Mỹ và nền văn học phương Tây hiện đại.</p> <p>+ GV: Giải thích thêm: Khi sáng tác, Người xem văn học là vũ khí phụng sự CM, xem trọng tính chân thực và dân tộc, xuất phát từ mục đích, đối tượng để chọn nội dung và hình thức tác phẩm → Tác phẩm đa dạng, độc đáo.</p>	<p>+ Quan điểm sáng tác.</p>
<p>+ GV: Những đặc điểm chủ yếu trong phong cách văn chính luận của Bác là gì? + HS: Trả lời.</p> <p>+ GV: Phân tích một số tác phẩm để làm rõ phong cách văn chính luận của Bác: @ <i>Tuyên ngôn độc lập</i>; @ <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i>....</p>	<p>*Văn chính luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngắn gọn, tư duy sắc sảo, - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục, - Giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp.
<p>+ GV: Những tác phẩm truyện và kí thể hiện phong cách viết gì của Bác? + HS: trả lời. + GV: Nêu ví dụ ở một vài tác phẩm: @ <i>Lời than vãn của bà Trưng Trắc</i>, @ <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i>, @ “<i>Vi hành</i>”... → Đóng góp riêng của tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trí tưởng tượng phong phú - Sáng tạo tình huống truyện độc đáo - Bút pháp trào phúng vừa nhẹ nhàng mà sâu cay - Giọng điệu và lời văn linh hoạt, hấp dẫn 	<p>* Truyện và kí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp hiện đại, - Tính chiến đấu mạnh mẽ - Nghệ thuật trào phúng sắc bén, nhẹ nhàng mà hóm hỉnh sâu cay.
<p>+ GV: Những bài thơ nhằm mục đích tuyên truyền được Bác viết với lời lẽ như thế nào?</p>	<p>*Thơ ca:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thơ tuyên truyền: Lời lẽ giản dị, mộc mạc, dễ nhớ, mang màu sắc dân gian hiện đại.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ HS: Trả lời.</p> <p>+ GV: Ví dụ:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“Hai tay cầm khẩu súng dài, Ngắm đi ngắm lại bắn ai thế này?”</i> (Ca binh lính).</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“Thân người chẳng khác thân trâu, Cái phân no ấm có đâu đến mình”</i> (Dân cày).</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“Mẹ tôi là một đoá hoa Thân tôi trong sạch tội là cái bông”</i> (Ca sợi chỉ).</p> <p>+ GV: Những bài thơ viết theo cảm hứng nghệ thuật thể hiện cách viết như thế nào của Bác?</p> <p>+ GV: Nêu ví dụ:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“Rằm xuân lồng lộng trăng soi, Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân Giữa dòng bàn bạc việc quân Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền”</i> (Rằm tháng giêng).</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“Tiếng suối trong như tiếng hát xa Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”</i> (Cảnh khuya).</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“Gà gáy một lần đêm chữa tan Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn..”</i> (Giải đi sớm).</p>	<p>- Thơ nghệ thuật: Vẻ đẹp hàm súc, hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và hiện đại, giữa chất “<i>tình</i>” và chất “<i>thép</i>”.</p>
<p><i>“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ, Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không. Cô em xóm núi xay ngô tối, Xay hết lò than đã rực hồng”</i> (Chiều tối)</p> <p>- Cổ điển:</p> <p>+ Đề tài <i>Chiều tối</i> → gợi nhắc đến cảnh hoàng hôn và người lữ thứ chồn chân trên bước đường xa trong thơ cổ</p> <p>+ Những hình ảnh <i>cánh chim, chòm mây trôi giữa tầng không</i> → hình ảnh thơ Đường cổ kính</p> <p>- Hiện đại:</p> <p>+ Cô gái xay ngô khỏe khoắn, miệt mài trong công việc; xay xong, lò than rực</p>	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
hồng → Hình tượng thơ vận động khỏe khoắn → cái nhìn lạc quan, hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai. - Chất <i>thép</i> và chất <i>trữ tình</i> : Sự giao cảm với thiên nhiên và tạo vật, tình yêu cuộc sống và con người; niềm tin tưởng, lạc quan vào tương lai.	
* Hoạt động 3: Hướng dẫn học sinh tổng kết bài học - GV: Gọi học sinh đọc phần kết luận để ghi nhớ, đánh giá tổng quát về thơ văn của Bác. - HS: Đọc sách giáo khoa. - GV: Chốt lại những nét chính về Hồ Chí Minh qua phần <i>Ghi nhớ (SGK)</i>	III. Tổng kết: <i>Ghi nhớ (SGK)</i>

4. Củng cố, dặn dò: Nắm chắc:

- Tiêu sử, quan điểm sáng tác phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ.
- Chuẩn bị bài mới: “Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt”

Câu hỏi:

- Thế nào là sự trong sáng của tiếng Việt?
- Sự trong sáng của tiếng Việt được biểu lộ ở những phương diện nào?
- Tìm hiểu những ví dụ, bài tập trong SGK.

Tiết 6

Tiếng Việt

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS:

- Nắm được những biểu hiện chủ yếu của sự trong sáng của tiếng Việt và trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Biết phân biệt sự trong sáng và hiện tượng sử dụng tiếng Việt không trong sáng trong lời nói, câu văn, biết phân tích và sửa chữa những hiện tượng không trong sáng, đồng thời có kĩ năng cảm thụ, đánh giá cái hay, cái đẹp của những lời nói, câu văn trong sáng;

-Nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nói, viết) để đạt được yêu cầu trong sáng.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.
- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12 – tập 1.
- Giáo án Ngữ văn 12 – tập 1.
- Bài tập Ngữ văn 12 – tập 1.
- Các tài liệu tham khảo khác...

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: Đọc hiểu, thuyết trình, phát vấn, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định lớp: Kiểm tra sĩ số

- | | |
|-----|-----|
| 12D | 12H |
| 12B | 12N |
| 12E | |

2. Kiểm tra bài cũ:

(?)Nêu và phân tích ngắn gọn quan điểm sáng tác Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

(?)Trình bày tóm tắt phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

2. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>* Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về sự trong sáng của tiếng Việt.</p> <p>- Thao tác 1: Giải thích khái niệm trong sáng của tiếng Việt.</p> <p>+ GV: Giải thích rõ:</p>	<p>I. Sự trong sáng của tiếng Việt:</p> <p>o “<i>Trong</i>”: có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục.</p> <p>o “<i>Sáng</i>”: là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói</p>
<p>- Thao tác 2: Đưa ra ngữ liệu và yêu cầu học sinh phân tích:</p> <p>+ GV: Đọc và so sánh ba câu văn trong SGK, xác định câu nào trong sáng, câu nào không trong sáng? Vì sao?</p> <p>+ HS: Đọc ba câu văn và phân tích:</p>	<p>o Câu đầu: không trong sáng vì cấu tạo câu không đúng quy tắc (chuẩn mực) ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>o Hai câu sau: đạt được sự trong sáng vì cấu tạo câu theo chuẩn mực ngữ pháp của tiếng Việt.</p>
<p>+ GV: Qua đó theo em biểu hiện thứ nhất của trong sáng tiếng Việt là gì?</p>	<p>1- Thể hiện ở chuẩn mực và việc tuân thủ đúng chuẩn mực của tiếng Việt</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ HS: Phát biểu theo gợi ý của SGK. + GV: Cung cấp các chuẩn mực của tiếng Việt:</p>	<p>- Phát âm theo chuẩn của một phương ngữ nhất định, chú ý cách phát âm ở phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu. - Tuân theo quy tắc chính tả, viết đúng phụ âm đầu, cuối, thanh điệu các từ khó. - Khi nói viết phải dùng từ đúng nghĩa và đầy đủ các thành phần câu</p>
<p>+ GV: Các từ ngữ dùng sáng tạo trong câu thơ của Nguyễn Duy là những từ nào? Chúng có nét nghĩa mới nào? Chúng được dùng theo biện pháp tu từ nào? + HS trả lời: + GV: Trong câu văn của Bác, từ “<i>tắm</i>” được dùng theo nghĩa mới là gì? Có phù hợp với quy tắc tiếng Việt hay không? + HS trả lời: Trong câu văn của Bác, +</p> <p>GV: Trong cả hai trường hợp, việc sử dụng linh hoạt, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt vì vẫn tuân theo quy tắc (chuyển nghĩa, chuyển tiểu loại) của tiếng Việt.</p> <p>+ GV kết luận.</p>	<p>các từ “<i>lung, áo, con</i>” được dùng theo nghĩa mới nhưng vẫn theo quy tắc ẩn dụ.</p> <p>từ “<i>tắm</i>” được dùng theo nghĩa mới và đặc điểm ngữ pháp mới. Nhưng đó vẫn là sự chuyển nghĩa nghĩa và đặc điểm ngữ pháp theo quy tắc của tiếng Việt.</p> <p>- Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt.</p>
<p>+ GV: Nhận xét về các từ ngữ nước ngoài được sử dụng trong câu văn của SGK?</p> <p>+ GV: Trong sáng thì không cho phép pha tạp, vẩn đục. Vậy sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép pha tạp của yếu tố ngôn ngữ khác không? Qua ví dụ trên, em rút ra biểu hiện thứ hai của sự trong sáng của tiếng Việt là gì? + HS: Phát biểu + GV: Nêu thêm ví dụ:</p>	<p>2- Tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, sử dụng tùy tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác.</p> <p>→ Hiện tượng lạm dụng tiếng nước ngoài</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<ul style="list-style-type: none"> o Tổng thống và <u>phu nhân</u>. (Cần) o Chị là người vợ thương chồng thương con (không dùng <u>phu nhân</u> thay cho <i>người vợ</i>). o Báo Thiếu niên nhi đồng. (Cần) o Trẻ em lang thang cơ nhỡ. (Không dùng <u>Thiếu niên nhi đồng</u> thay cho <i>trẻ em</i>) 	<p>chỉ làm văn đọc tiếng Việt.</p>
<p>+ GV: Sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép ta nói năng thô tục, bất lịch sự không? Phải nói năng, giao tiếp như thế nào?</p> <p>+ GV: Nêu ví dụ 5: Đoạn hội thoại trong SGK trang 33</p> <p>+ GV: Phân tích tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói của các nhân vật trong đoạn hội thoại?</p> <p>+ HS: Trả lời: Tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói thể hiện ở cách xưng hô, thưa gửi, cách sử dụng từ ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Cách xưng hô: Ông giáo: <i>Cụ với tôi, ông với con</i> → thể hiện sự kính trọng, thân thiết gần gũi Lão Hạc: <i>Ông giáo chúng mình, tôi với ông</i> → thể hiện sự tôn trọng của Lão Hạc đối với ông giáo o Cách thưa gửi của Lão Hạc với ông giáo: “ <i>Vâng! Ông giáo dạy phải</i>” → Sự trân trọng, tin tưởng và có phần ngưỡng mộ của lão Hạc với ông giáo o Các từ ngữ: trong sáng, rõ ràng, nhã nhặn, lịch sự <p>+ GV: Vậy theo em, sự trong sáng của tiếng Việt còn thể hiện ở phương diện nào?</p> <p>+ GV: Nêu thêm ví dụ:</p>	<p>3- Lời nói thô tục, bất lịch sự sẽ làm mất đi vẻ trong sáng của tiếng Việt, phải có tính lịch sự, văn hoá .</p> <p>VD.</p> <p>Trong các trường hợp khác nhau, dùng từ <i>chết</i> có thể thay thế bằng: <i>khuất núi, quy tiên, từ trần, về cõi vĩnh hằng...</i></p> <ul style="list-style-type: none"> o Hoặc dùng các nói giảm: <ul style="list-style-type: none"> - Có lẽ chị không còn trẻ lắm. - Tôi hỏi thật không phải, chị đã có gia đình chưa?- Bạn đừng giận thì mình mới nói. - Mình hỏi câu này bạn đừng giận mình đấy...oá.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ GV: Mở rộng vấn đề: Bên cạnh những lời văn mang tính lịch sự, có văn hoá, ta vẫn bắt gặp trong văn chương những lời nói không đảm bảo tính lịch sự, trong sáng của tiếng Việt. Ví dụ: <i>“Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hấn không? Không biết đưa chết mẹ nào đã đẻ ra thân hấn cho hấn khổ đến nông nổi này?”</i> <i>(Chí Phèo – Nam Cao).</i></p> <p>Tại sao lại có điều đó? Bởi tác giả muốn nhân vật trực tiếp bộc lộ tính cách đối với người đọc qua chính những ngôn ngữ của mình. Lời nói của Chí Phèo trong trích đoạn trên là lời nói của Chí khi đã bị tha hoá trở thành một tên côn đồ, bặm trợn, một con quỷ dữ của làng Vũ Đại.</p> <p>* Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh luyện tập</p> <p>+ GV: Gọi HS đọc bài tập 1, xác định yêu cầu của bài</p>	<p>II. Luyện tập:</p>
<p>+ GV: Yêu cầu HS tìm những từ ngữ tiêu biểu mà tác giả dùng để miêu tả diện mạo hoặc tính cách nhân vật trong Truyện Kiều?</p> <p>+ HS: Tìm những từ ngữ tiêu biểu</p>	<p>I. Bài tập 1. Các từ ngữ Nguyễn Du và Hoài Thanh nói về các nhân vật rất chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính cách nhân vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim Trọng: <i>rất mực chung tình</i> - Thuý Vân: <i>cô em gái ngoan</i> - Hoạn Thư: <i>người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt</i> - Thúc Sinh: <i>sợ vợ</i> - Từ Hải: <i>chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ</i> - Tú Bà: <i>màu da “nhờn nhợt”</i> - Mã Giám Sinh: <i>“mày râu nhẵn nhụi”</i> - Sở Khanh: <i>chải chuốt dịu dàng</i> - Bạc Bà, Bạc Hạnh: <i>miệng thê “xoen</i>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
	<i>xoét”</i>
<p>- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 2 + HS: Điền vào đoạn văn các dấu câu thích hợp “ <i>Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận – dọc đường đi của mình – những dòng nước khác . Dòng ngôn ngữ cũng vậy: một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì thời đại đem lại .</i>” (Chế Lan Viên)</p>	<p>2. Bài tập 2: Cần đặt một số dấu câu: - Dấu chấm giữa hai từ <i>dòng sông</i>. - Dấu chấm trước cụm từ <i>dòng ngôn ngữ</i>. - Dấu hai chấm sau từ <i>cũng vậy</i> - Dấu phẩy trước từ <i>nhưng</i> và sau từ <i>gạt bỏ</i>.</p>
<p>- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 3 + GV: Yêu cầu học sinh chỉ ra những từ ngữ nước ngoài. + HS: Chỉ ra những từ ngữ nước ngoài</p>	<p>3. Bài Tập 3: - Câu văn dùng nhiều từ nước ngoài. - Cần thay một số từ bằng từ tiếng Việt hoặc dịch nghĩa sang tiếng Việt. - <i>Cocoruder</i> là danh từ tự xưng để nguyên - <i>Microsoft</i>: là tên công ty - Từ <i>File</i> → tệp tin: - Từ <i>Hacker</i> → Kẻ đột nhập trái phép hệ thống máy tính</p>

4. Cũng cố, dặn dò: Nắm chắc:

- Thế nào là sự trong sáng của tiếng Việt
- Sự trong sáng của tiếng Việt được biểu lộ ở những phương diện nào
- Mỗi người cần có ý thức để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

5. Hướng dẫn về nhà:

- Suy nghĩ về các vấn đề được mở ra trong giờ học
- Sưu tầm trên đài, trên báo những hiện tượng làm vẩn đục sự trong sáng của tiếng Việt

- Ôn tập lại kiến thức đã học chuẩn bị **Viết bài viết số 1**, đặc biệt là nghị về một tư tưởng đạo lý.
- Xem trước phần **Hướng dẫn cách làm bài** trong tiết hướng dẫn của sách giáo khoa.

Tuần 3

Ngày 25.8.2014

Tiết 7: Làm văn

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 1 (NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS:

- Viết được bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí, trước hết là của tuổi trẻ học đường ngày nay.

- Nâng cao ý thức rèn luyện tư tưởng, đạo đức để không ngừng tự hoàn thiện nhân cách của mình.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.

- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.

- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12 – tập 1. Các tài liệu tham khảo khác...

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

Ra đề phù hợp trình độ HS: tập trung vào những quan niệm về đạo lí, những vấn đề tư tưởng phổ biến trong HS như: ước mơ, quan hệ gia đình, bạn bè lối sống...

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

- 12B 12H
- 12D 12N
- 12E

2. Kiểm tra bài cũ: Không

3. Giới thiệu bài mới:

Giáo viên giới thiệu về hình thức và yêu cầu của bài viết.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>*GV cho đề bài.</p> <p>*Gợi ý học sinh cách làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác 1: GV nhắc lại một số yêu cầu về nội dung và cách làm bài - GV lưu ý về thời gian làm bài - GV gợi ý một số luận điểm trong bài viết <p>Đề 2: “Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động” Ý kiến trên của nhà văn Pháp M. Xi-xê-rông gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân.</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành động là biểu hiện cao nhất của đức hạnh. - Nhà văn Pháp M. Xi-xê-rông đã nói: “Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động” 	<p>I. Đề bài :</p> <p>Đề 1: Tình thương là hạnh phúc của con người.</p> <p>Đề 2: “Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”</p> <p>Ý kiến trên của nhà văn Pháp M. Xi-xê-rông gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân.</p> <p>II. Gợi ý cách làm bài:</p> <p>1. Xác định nội dung bài viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung vào vấn đề tư tưởng, đạo lí, đặc biệt là đối với HS trong giai đoạn hiện nay - Cần đọc kĩ đề để xác định đúng vấn đề cần bàn bạc và xác định các luận điểm <p>3. Xác định thời gian làm bài: 45 phút</p> <p>4. Dàn ý tham khảo:</p> <p>Đề 1: Tình thương là hạnh phúc của con người.</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạnh phúc là một khái niệm tinh thần trừu tượng. - Tùy theo vai trò, vị trí của từng cá nhân, từ giai cấp trong xã hội mà có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc. - Nhân dân ta quan niệm: Tình thương là hạnh phúc của con người. <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giải thích câu nói: Tình thương là hạnh phúc của con người.</p>

2. Thân bài:

a. Giải thích câu nói:

- Đức hạnh là đạo đức và tính nết tốt (Từ điển tiếng Việt)

- Đức hạnh được thể hiện qua lời nói và những việc làm cụ thể, qua mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, xã hội...

- Hành động là thước đo phẩm giá của mỗi con người.

b. Phân tích, chứng minh: “Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”

- Từ xưa, nhân dân ta đã ca ngợi và đề cao những hành động thiết thực mang lại lợi ích cho bản thân và xã hội:

+ Có những câu tục ngữ khẳng định ý nghĩa quan trọng của hành động: *Trăm nghe không bằng một thấy; Trăm hay không bằng tay quen; Nói hay không bằng cày giỏi*

+ Nhân dân cũng phê phán, chê cười những kẻ: *Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa; Ăn thì ăn những miếng ngon, Làm thì chọn việc con con mà làm.*

- Trong văn chương cũng như trong thực tế lịch sử có rất nhiều gương sáng hành động, thể hiện phẩm chất cao quý của con người:

+ Chàng Thạch Sanh: thật thà, dũng cảm, giàu lòng thương người, sẵn sàng cứu giúp kẻ bất hạnh

+ Cậu bé làng Gióng: đánh đuổi giặc Ân ra khỏi bờ cõi, đem lại thái bình cho đất nước.

+ Từ Hải trong *Truyện Kiều*: cứu Thúy Kiều thoát khỏi cuộc sống lầu xanh, giúp nàng thực hiện công lí – báo ân báo oán.

+ Lục Vân Tiên: đánh tan bọn

- Tình thương: là tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người, với vật (Từ điển tiếng Việt)

- Hạnh phúc: là trạng thái sung sướng vì cảm thấy hoàn toàn đạt được ý nguyện. (Từ điển tiếng Việt)

- Tại sao Tình thương là hạnh phúc của con người?

+ Tình thương khiến cho người ta luôn hướng về nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau.

+ Như vậy là thỏa mãn mọi ý nguyện, đã được hưởng sung sướng, hạnh phúc mà tình thương mang lại.

b. Phân tích, chứng minh các biểu hiện của tình thương:

- Trong phạm vi gia đình:

+ Cha mẹ yêu thương con cái, chấp nhận bao vất vả, cực nhọc, hi sinh bản thân để nuôi dạy con cái nên người. Con cái ngoan ngoãn, trưởng thành, cha mẹ coi đó là hạnh phúc nhất của đời mình.

+ Trong đời người có nhiều nỗi khổ, nhưng con cái không nên danh nên phận hoặc hư hỏng là nỗi đau lớn nhất của cha mẹ.

+ Con cái biết nghe lời dạy bảo của cha mẹ, biết đem lại niềm vui cho cha mẹ, đó là hiếu thảo, là tình thương và hạnh phúc.

+ Tình thương yêu, sự hòa thuận giữa anh em, giữa cha mẹ và con cái tạo nên sự bền vững của hạnh phúc gia đình.

- Trong phạm vi xã hội:

+ Tình thương chân thành là cơ sở của tình yêu đôi lứa. (Dẫn chứng)

*- Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo
Ngũ lục sông cũng lội, thất bát cửu thập đèo
cũng qua.*

*- Muối ba năm muối đang còn mặn
Gừng chín tháng gừng hãy còn cay
Đôi ta nghĩa nặng tình dày*

Có xa nhau đi ...ngàn ngày mới xa.

+ Tình thương là truyền thống đạo lí: *Thương*

cướp cứu tiểu thư Kiều Nguyệt Nga.

+ Hai Bà Trưng: khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược nhà Hán.

+ Nguyễn Trãi: thực thi lời cha dạy theo phò tá Lê Lợi đánh đuổi giặc Minh, làm nên chiến thắng *oanh liệt ngàn năm*.

+ Anh hùng áo vải Nguyễn Huệ: đánh tan hai hơn hai mươi vạn quân Thanh đem lại cuộc sống thanh bình cho dân.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh: ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi xiềng xích nô lệ, giành độc lập tự do, thành lập nên nước VNDCCH.

c. Phê phán, bác bỏ:

Những lối sống, hành động không xứng đáng là một con người đức hạnh.

d. Suy nghĩ của bản thân:

- Hành động thiết thực của tuổi trẻ ngày nay là không ngừng học tập, tu dưỡng và rèn luyện để nâng cao trình độ hiểu biết để đáp ứng yêu cầu của xã hội, xứng đáng là người vừa có tài vừa có đức.

- Hành động còn là dám nhìn thẳng vào những khuyết điểm để sửa chữa, khắc phục để vươn lên, có tinh thần cầu tiến để thể hiện phẩm chất và đức hạnh của bản thân.

3. Kết bài:

- Trong chiến tranh giữ nước, tuổi trẻ Việt Nam đã cống hiến, hi sinh xương máu để bảo vệ độc lập chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

- Trong thời bình, tuổi trẻ phải cố gắng tu dưỡng, phấn đấu; tích cực đóng góp sức mình cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

người như thế thương thân; tạo nên sự gắn bó chặt chẽ trong quan hệ cộng đồng giai cấp, dân tộc. - *Bầu ơi thương lấy bí cùng*

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

- *Một miếng khi đói bằng một gói khi no*

- *Lá lành đùm lá rách.....*

- *Nhiều điều phủ lấy giá gương*

Người trong một nước phải thương nhau cùng

+ Tình thương mở rộng, nâng cao thành tình yêu nhân loại.

- Những tấm gương sáng trong lịch sử coi Tình thương là hạnh phúc của con người:

+ Vua Trần Nhân Tông trong một chuyến đi thăm quân sĩ đã cởi áo bào khoát cho một người lính giữa đêm đông lạnh giá.

+ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng chia sẻ ngọt bùi, cùng vào sinh ra tử với tướng sĩ dưới quyền trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên – Mông, giành thắng lợi vẻ vang cho dân tộc.

+ Người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi suốt đời đeo đuổi lí tưởng vì dân vì nước, gác sang một bên những oan ức, bất hạnh của riêng mình.

+ Người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuất phát từ lòng yêu nước thương dân trong tình cảnh nô lệ nên đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Bác luôn lấy tình yêu thương con người làm mục đích và hạnh phúc cao nhất của cuộc đời mình.

c. Phê phán, bác bỏ:

Lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình thương...

d. Liên hệ bản thân:

Rút ra bài học về phương châm sống xứng đáng là con người có đạo đức, có nhân cách và hành động vì tình thương.

3. Kết bài:

- Tình thương là lẽ sống cao cả của con người.

- Tình thương vượt lên trên mọi sự khác biệt giữa các dân tộc trên thế giới.

- Để tình thương thực sự trở thành hạnh phúc của con người, mỗi chúng ta phải vươn lên chống đối nghèo, áp bức bất công, chiến tranh

	phi nghĩa... để góp phần xây dựng một thế giới hòa bình thịnh vượng...
--	--

4.Củng cố, dặn dò: Nắm chắc:

- Bố cục bài văn
- Các ý chính

5.Hướng dẫn về nhà:

Đọc và soạn trước “*Tuyên ngôn độc lập*” – Phần hai: Tác phẩm

Câu hỏi:

- Giới thiệu vài nét về bản tuyên ngôn: hoàn cảnh ra đời, mục đích sáng tác, giá trị...
- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dựa vào những cơ sở nào để tuyên bố nền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam?
- Người đã bác bỏ những luận điệu nào của thực dân Pháp để khẳng định nền độc lập của dân tộc?
- Cách viết của bản tuyên ngôn có gì đặc sắc?

Tiết 8.9:

Đọc văn

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

HỒ CHÍ MINH

PHẦN HAI: TÁC PHẨM

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS:

- Nắm được những nét khái quát nhất về sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh;
- Thấy được giá trị nhiều mặt và ý nghĩa to lớn của “Tuyên ngôn độc lập” cũng như vẻ đẹp của tư tưởng và tâm hồn tác giả.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.
- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12 – tập 1.
- Giáo án Ngữ văn 12 – tập 1.
- Bài tập Ngữ văn 12 – tập 1.
- Các tài liệu tham khảo khác...

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp Đọc-hiểu, gợi tìm, phát vấn, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận...

IV. TIỀN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

- | | |
|-----|-----|
| 12B | 12H |
| 12D | 12N |
| 12E | |

2. Kiểm tra bài cũ:

(?)Trình bày quan điểm sáng tác và phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

3. Giới thiệu bài mới:

Như ta đã biết, chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là vị lãnh tụ vĩ đại mà còn là một nhà văn chính luận mẫu mực. Điều này ta có thể thấy qua một tác phẩm bất hủ của Người: *Tuyên ngôn độc lập*.

Tiết

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>1: Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác của bản tuyên ngôn.</p> <p>+ GV: Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh của thế giới và Việt Nam như thế nào?</p> <p>+ HS: Dựa vào sách giáo khoa để trả lời.</p> <p>GV: Sự kiện này không chỉ là dấu mốc trọng đại trong trang sử đất nước mà còn trở thành nguồn cảm hứng dào dạt cho thơ ca:</p> <p style="text-align: center;"><i>Hôm nay sáng mừng hai tháng chín</i> <i>Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình</i> <i>Muôn triệu tim chờ chim cũng nín</i> <i>Bỗng vang lên tiếng hát ân tình</i> (Tố Hữu)</p> <p>2: Hướng dẫn học sinh xác định mục đích viết và đối tượng hướng đến của bản tuyên ngôn.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>- Thế giới:</p> <p>+ Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức,</p> <p>+ Nhật đầu hàng Đồng minh</p> <p>- Trong nước:</p> <p>+ CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi.</p> <p>+ Ngày 26.8. 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội</p> <p>+ Ngày 28. 8. 1945: Bác soạn thảo bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội.</p> <p>+ Ngày 2. 9. 1945: Bác đọc bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH.</p> <p>2. Mục đích sáng tác:</p>

<p>+ GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miền Bắc: quân Tưởng... lăm le - Miền Nam: quân Anh... sẵn sàng vào - Pháp: đã tâm xâm lược VN lần thứ 2. <p>- Bản tuyên ngôn hướng đến là những ai? Bản tuyên ngôn được viết ra nhằm mục đích gì?</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Tất cả đồng bào Việt Nam o Nhân dân thế giới o Các lực lượng ngoại bang nhân danh đồng minh diệt phát xít Nhật (Pháp, Mĩ, Anh, Trung Quốc....) <p>- 3 Hướng dẫn học sinh xác định bố cục của văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc rõ ràng, âm vang, có ngắt nghỉ giữa các phần như giọng đọc của Bác. - nội dung: đọc với giọng hùng hồn, đanh thép, - quá trình nổi dậy: giọng tự hào, nhấn vào chữ <i>sự thật</i>. - Lời tuyên ngôn và tuyên bố: giọng trang trọng, hùng hồn. <p>- Trước hết, xác định cơ sở pháp lí, điểm tựa vững chãi, thuyết phục cho lập luận ở phần mở đầu.</p> <p>- Đó cũng là căn cứ để vạch tội kẻ thù, chỉ ra tính chất phi nghĩa của chúng, là cơ sở để khẳng định cho lẽ phải của ta (Ở phần nội dung)</p> <p>- Từ đó, mới hùng hồn khẳng định xóa bỏ chế độ, quan chủ, thực dân của Pháp.</p> <p>* Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc. - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. <p>3. Bố cục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Phần 1:</u> Từ đầu đến “...không ai chối cãi được” → Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập. - <u>Phần 2:</u> “<i>Thế mà, phải được độc lập</i>” → Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. - <u>Phần 3:</u> Còn lại → Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc → Lập luận thuyết phục ở tính logic chặt chẽ: Từ cơ sở lí luận đối chiếu với thực tiễn, rút ra kết luận phù hợp, đích đáng, không thể không công nhận.
--	--

<p>I: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần 1 của bản tuyên ngôn. GV: Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn độc lập này là gì? HS: phát biểu cá nhân.</p> <p>- Theo em, việc Bác trích dẫn lời của hai bản tuyên ngôn này thể hiện sự khôn khéo như thế nào? HS: Trao đổi, trả lời.</p> <p>- Việc trích dẫn này cũng thể hiện được sự kiên quyết như thế nào?</p> <p>+ GV: Từ ý nghĩa trên, em hiểu được là Bác trích dẫn hai bản tuyên ngôn này nhằm mục đích gì? + HS: Trao đổi và trả lời.</p> <p>+ GV: Theo em, việc Bác trích dẫn như vậy để từ đó suy rộng ra điều gì? + HS: Phát biểu</p> <p>Hướng dẫn hs phát hiện đóng góp lớn về tư tưởng của Bác ở phần mở đầu TN + GV: Khẳng định đóng góp lớn về tư tưởng của Bác ở phần này.</p>	<p>II. Đọc – hiểu văn bản:</p> <p>1. Cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn độc lập: - Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ làm cơ sở pháp lí: + Tuyên ngôn độc lập của Mỹ: <i>“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. ...có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”</i> + Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791: <i>“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi.. tự do và bình đẳng về quyền lợi.”</i></p> <p>- Ý nghĩa: + Vừa khôn khéo: Tô ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ của cha ông kẻ xâm lược vì những điều được nêu là chân lí của nhân loại + Vừa kiên quyết: Dùng lập luận <i>Gậy ông đập lưng ông</i>, lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng. + Ngầm gửi gắm lòng tự hào tự tôn dân tộc: đặt ba cuộc cách mạng, ba bản tuyên ngôn, ba dân tộc ngang hàng nhau.</p> <p>- Trích dẫn sáng tạo: + Từ quyền bình đẳng, tự do, mưu cầu hạnh phúc của <i>con người</i> (tuyên ngôn của Mĩ và Pháp) + Bác <i>suy rộng ra</i>, nâng lên thành quyền bình đẳng, tự do của các <i>dân tộc</i> trên thế giới → Đó là suy luận hợp lí, sáng tạo, là đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa. => Hồ Chí Minh mở đầu bản tuyên ngôn thật súc tích, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, cách trích dẫn sáng tạo để đi đến một bình luận khéo léo, kiên quyết: <i>“Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”</i>.</p>
--	---

--	--

4. Củng cố, dặn dò: Nắm chắc:

 cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn độc lập.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài + Đề 1: Phân tích ý nghĩa cách mở đầu bản tuyên ngôn độc lập.

+ Đề 2: Phân tích cơ sở pháp lí của bản tuyên ngôn độc lập.

- Soạn bài tiếp

Tiết 8(Tiếp)

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

12B

12H

12D

12M

12E

2. Kiểm tra bài cũ:

(?)Nêu hoàn cảnh sáng tác và mục đích sáng tác TNĐL?

(?)Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn?

3. Giới thiệu bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn.</p> <p>GV: Câu văn chuyển tiếp mở đầu đoạn 2 có tác dụng gì?</p> <p>HS: Phát biểu</p> <p>- Khi Pháp có luận điệu về công “<i>khai hóa</i>” nhân dân các nước thuộc địa, tác giả đã vạch rõ những tội ác nào mà thực dân Pháp đã gieo rắc trên đất</p>	<p>2. Cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn độc lập:</p> <p>a. Tội ác của thực dân Pháp:</p> <p>- Câu mở đầu đoạn 2: <i>“Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.”</i> → Câu chuyển tiếp, tương phản với các lí lẽ của đoạn 1: thực dân Pháp đã phản bội lại tuyên ngôn thiêng liêng của tổ tiên chúng, phản bội lại tinh thần nhân đạo của nhân loại.</p> <p>- Pháp kẻ công “<i>khai hóa</i>”, Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện: + Về chính trị: không cho nhân dân ta một</p>

<p>nước ta suốt hơn 80 năm qua? + GV: Tìm dẫn chứng và lần lượt trả lời.</p> <p>GV: Nhà văn đã dùng những nghệ thuật nào để làm nổi bật những tội ác đó và để tăng cường sức mạnh tố cáo?</p> <p>GV: Khi Pháp kẻ công “<i>bảo hộ</i>”, bản tuyên ngôn lên án chúng điều gì? HS: Đọc dẫn chứng và phát biểu.</p> <p>GV: Những hành động này của Pháp đã gây nên hậu quả gì trên nhân dân ta? GV: Còn ta, ta đối xử với người Pháp như thế nào?</p> <p>+ GV: Khi Pháp muốn nhân danh Đồng minh để vào chiếm lại Đông Dương, Bác đã vạch trần những tội trạng gì của chúng? + HS: Đọc dẫn chứng và phát biểu.</p>	<p><i>chút tự do dân chủ nào, thi hành luật pháp dã man, chia rẽ dân tộc, tẩm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu</i></p> <p>+ Về kinh tế: Cướp không ruộng đất, hầm mỏ; độc quyền in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí</p> <p>+ Văn hóa – xã hội – giáo dục: <i>lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện</i></p> <p>→ Biệp pháp liệt kê + điệp từ <i>chúng</i> + lập cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn đanh thép → nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chông chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.</p> <p>- Pháp kẻ công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng: + “Mùa thu năm <u>1940</u>, Nhật đến xâm lãg...bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật.” + “Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng.” + Vậy là trong 5 năm, chúng bán nước ta hai lần cho Nhật. + Hậu quả: làm cho “<i>hơn hai triệu đồng bào của ta bị chết đói</i>” + Ngược lại, Việt Minh đã cứu giúp nhiều người Pháp, bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ</p> <p>- Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ: + Chính pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật. + Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn “<i>nhân tâm giết nốt số đông tù chính trị ở <u>Yên Bái</u> và</i></p>
--	--

<p>GV: Trong phần này, Bác còn nêu rõ quá trình nổi dậy giành chính quyền thắng lợi của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh như thế nào?</p> <p>Từ những chứng cứ lịch sử hiển nhiên trên, bản tuyên ngôn nhấn mạnh các thông điệp quan trọng.</p> <p>+ GV: Trong ba câu văn ngắn gọn này, Bác muốn khẳng định điều gì?</p> <p>+ GV: Trong đoạn văn này, Bác đã tuyên bố điều gì?</p> <p>+ HS: Đọc dẫn chứng và phát biểu.</p> <p>+ GV: Đây là lời tuyên bố vô cùng tinh tế, sâu sắc và chặt chẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ xóa bỏ các quan hệ thực dân với Pháp chứ không xóa bỏ những quan hệ tốt đẹp, hữu nghị. - Chỉ xóa bỏ những hiệp ước mà Pháp đã kí về đất nước Việt Nam, không phải là kí với đất nước Việt Nam. Kí về là kí áp đặt, ép buộc, kí với là kí trên tinh thần bình đẳng, hợp tác. - Các từ phủ định tuyệt đối: thể hiện lập trường kiên định, thái độ dứt khoát, không khoan nhượng. 	<p><u>Cao Bằng.</u>”</p> <p>+ “<i>Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa.</i>”</p> <p>+ Nêu rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam: *<i>Nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.</i>”</p> <p>* “<i>Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.</i>”</p> <p>→ Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc.</p> <p>b. Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định: + Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị + Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay + Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ → Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử. - Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để tuyên bố: “<i>thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.</i>” → Không chịu sự lệ thuộc và xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp về nước Việt Nam - Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hai Hội
--	--

<p>GV: Căn cứ vào những điều khoản quy định ở hai hội nghị Tê – hê – răng và Cựu Kim Sơn, chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi điều gì?</p> <p>3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần tuyên bố cuối cùng. + GV: người tuyên bố với toàn thể nhân dân trên thế giới điều gì?</p> <p>+ GV: Người còn nêu lên quyết tâm gì của dân tộc? + HS: Đọc dẫn chứng và phát biểu.</p> <p>+ GV: Lưu ý: trong bản tuyên ngôn, đây mới là đoạn văn tràn đầy khí phách dân tộc Việt Nam, thể hiện ý chí sắt đá nhất, yêu cầu hòa bình nhưng không sợ chiến tranh, sẵn sàng đón nhận phong ba bão táp.</p> <p>4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những yếu tố thành công, mẫu mực của bản tuyên ngôn.</p>	<p>ngợi <u>Tê – hê - răng</u> và <u>Cựu Kim Sơn</u> để buộc các nước Đồng minh: “<i>quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.</i>”</p> <p>- Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc: <i>“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp..., dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”</i> → Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế. => Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp... tạo nên âm hưởng hào hùng, đanh thép, trang trọng của đoạn khúc anh hùng ca.</p> <p>3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc: - Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: “<i>Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập.</i>” → Những từ ngữ trang trọng: “<i>trịnh trọng tuyên bố</i>”, “<i>có quyền hưởng</i>”, “<i>sự thật đã thành</i>” vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lí. - Bài tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: “<i>Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.</i>” → Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.</p> <p>4. Nghệ thuật: Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận</p>
--	--

<p>GV: Em hãy chứng minh về lập luận của bản tuyên ngôn? + HS: Lần lượt trả lời. GV: Bản tuyên ngôn được xây dựng bằng những lí lẽ như thế nào? + HS: Lần lượt trả lời.</p> <p>GV: Nhận xét về những dẫn chứng mà Bác đưa vào bản tuyên ngôn? + HS: Lần lượt trả lời. GV: Ngôn ngữ của bản tuyên ngôn thể được những tình cảm gì của Bác?</p> <p>Hướng dẫn học sinh tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của bản tuyên ngôn. + GV: Qua việc tìm hiểu, em có nhận xét gì về giá trị của bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i>? + HS:</p>	<p>của Bác: - Lập luận: chặt chẽ, thống nhất từ đầu đến cuối (dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc) - Lí lẽ: xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc. - Dẫn chứng: xác thực, lấy ra từ sự thật lịch sử</p> <p>- Ngôn ngữ: đanh thép, hùng hồn, chan chứa tình cảm, cách xưng hô bộc lộ tình cảm gần gũi. Lòng yêu nước thương dân nồng nàn, sâu sắc.</p> <p>II. Tổng kết: - Là một văn kiện chính trị lớn, tổng kết cả một thời kì lịch sử. - Là áng văn chính luận mẫu mực với lập luận chặt chẽ, kế thừa các chân lí lớn của thế giới. - Nâng cao lòng tự hào về truyền thống và lịch sử văn học. Ghi nhớ (SGK)</p>
---	--

4. Củng cố, dặn dò: Nắm chắc:

- Cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn độc lập
- Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc
- Nghệ thuật

5. Hướng dẫn về nhà:

Học bài, làm một số bài tập

Đề 1: Phân tích tuyên ngôn độc lập để làm rõ hệ thống lập luận chặt chẽ của tác phẩm.

Gợi ý:

- Khái quát : giá trị văn chính luận Hồ Chí Minh nói chung và Tuyên ngôn độc lập nói riêng.
- Hệ thống lập luận là một trong những giá trị nổi bật của tác phẩm.
- Phân tích hệ thống lập luận:

Phân tích theo ba phần của bản tuyên ngôn, chỉ ra tính logic trong trình tự triển khai các luận điểm (hệ thống luận cứ)

- * Cơ sở pháp lí:
- * Cơ sở thực tế:
- * Khẳng định và thể hiện quyết tâm lớn của dân tộc Việt Nam

- Tổng hợp vấn đề:
- + Hệ thống lập luận chặt chẽ là một đặc điểm nổi bật không chỉ ở Tuyên ngôn độc lập mà trong tất cả các tác phẩm văn chính luận của Hồ Chí Minh.
- + Hệ thống lập luận chặt chẽ kết hợp với lí lẽ sắc sảo, dẫn chứng chân xác, hùng hồn... tạo nên vị trí áng văn chính luận xuất sắc cho Tuyên ngôn độc lập.

Đề 2: Phong cách nghệ thuật văn chính luận của Hồ Chí Minh qua bản Tuyên ngôn độc lập.

Gợi ý

- Trình bày phong cách văn chính luận Hồ Chí Minh.
- Phân tích các đặc điểm:
 - + Ngắn gọn
 - + Lập luận chặt chẽ (*nêu hệ thống lập luận và sự logic trong trình tự triển khai qua các luận cứ*)
 - + Lí lẽ đanh thép
 - + Bằng chứng thuyết phục, giàu tính luận chiến
 - + Ngôn ngữ: hùng hồn, giàu tính biểu cảm
 - Tất cả xuất phát từ tình cảm nồng nàn, mãnh liệt với nhân dân, dân tộc.
- Tổng hợp:
 - + Tuyên ngôn độc lập thể hiện rõ đặc điểm phong cách nghệ thuật văn chính luận Hồ Chí Minh
 - + Vị trí văn học sử: áng văn chính luận xuất sắc.

Đề 3: Lí giải vì sao bản tuyên ngôn độc lập từ khi ra đời cho đến nay là một áng văn chính luận có sức lay động sâu sắc hàng chục triệu trái tim con người?

Gợi ý:

- Có giá trị lịch sử lớn lao.
 - Chứa đựng tình âm yêu nước, thương dân nồng nàn, niềm tự hào sâu sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh.
 - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, ngôn ngữ chuẩn xác, giọng văn khi hùng hồn đanh thép, khi chan chứa tình cảm, giàu sức thuyết phục.
- Soạn bài mới: GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT (Tiếp theo)
- Câu hỏi:
- + Là thanh niên, học sinh, ta cần phải có trách nhiệm gì để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?
 - + Giải các bài tập sau nội dung bài học

Tuần 4
Ngày 30.8.2014

Tiết 10

Tiếng Việt (Tiếp)
GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

12B

12H

12D

12N

12E

2. Kiểm tra bài cũ:

(?) Thế nào là sự trong sáng của tiếng Việt?

(?) Sự trong sáng của tiếng Việt được thể hiện qua những phương diện nào? Cho ví dụ?

3. Giới thiệu bài mới:

<p>1: Hướng dẫn học sinh xác định trách nhiệm về phương diện tình cảm.</p> <p>+ GV: Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?</p> <p>+ HS: Phát biểu.</p> <p>+ GV: Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt?</p> <p>+ HS: Phát biểu.</p>	<p>II. Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:</p> <p>1. Về thái độ, tình cảm:</p> <p>Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là <i>"thứ của cái vô cùng lâu đời và quý báu của dân tộc"</i></p> <p>2. Về nhận thức:</p> <p>- Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt (Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết,</p>
--	---

<p>+ GV: Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào? + HS: Phát biểu.</p>	<p>từ ngữ, ngữ pháp) - Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi. 3. Về hành động: - Sử dụng tiếng Việt theo chuẩn mực và quy tắc, trong đó có các quy tắc chuyên hoá, biến đổi. - Không lạm dụng tiếng nước ngoài làm vẩn đục tiếng Việt. - Tránh những lối nói thô tục, thiếu văn hoá.</p>
<p>* 1: Hướng dẫn học sinh tổng kết + GV: Cho 1 -2 học sinh đọc phần Ghi nhớ của sách giáo khoa + GV: Yêu cầu học sinh đọc các bài tham khảo phía sau bài học ở nhà</p>	<p>III. Kết luận: <i>Ghi nhớ (SGK)</i></p>
<p>Hướng dẫn học sinh luyện tập + GV: Gọi học sinh đọc các ngữ liệu + GV: Yêu cầu học sinh phân tích từng câu văn để tìm ra những câu văn “trong sáng” và những câu “không trong sáng”? + HS: Lần lượt phân tích các câu văn</p>	<p>IV. Luyện tập : 1. Bài tập 1: - Câu <i>a</i> không trong sáng (có sự lẫn lộn giữa trạng ngữ <i>muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn</i> và chủ ngữ) vì dùng thừa từ <i>đòi hỏi</i>. - Các câu <i>b, c, d</i> viết đúng chuẩn ngữ pháp nên là những câu trong sáng.</p>
<p>+ GV: Gọi học sinh đọc ngữ liệu + GV: Yêu cầu học sinh phân tích để tìm ra những từ nước ngoài nào không nên sử dụng và thay thế bằng từ khác để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt. + HS: Lần lượt phân tích và chỉ ra. - Trong lời quảng cáo dùng 3 hình thức biểu hiện cùng 1 nội dung: <i>ngày lễ tình nhân, ngày Valentine, ngày Tình yêu</i> . → Cùng biểu hiện ý nghĩa cao đẹp là tình cảm con người . - Từ cần thay thế: <i>ngày Valentine</i> → <i>ngày lễ tình nhân, ngày Tình yêu</i></p>	<p>2. Bài tập 2: - Dùng từ <i>Tình nhân</i> thì thiên về việc nói đến con người hơn là ngày lễ - Dùng từ <i>Valentine</i> là từ vay mượn nên không cần thiết. → Dùng từ (<i>ngày</i>) <i>Tình yêu</i> là đủ diễn đạt nội dung và sắc thái tình cảm. Không nhất thiết dùng từ nước ngoài.</p>

4. Củng cố, dặn dò:

- Nắm chắc nội dung bài học
- Mỗi người cần có ý thức để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

5. Hướng dẫn về nhà:

- Suu tầm những thành ngữ, tục ngữ, ca dao về lời ăn tiếng nói, về sự học hỏi trong cách nói năng hằng ngày.
- Xem lại những bài làm văn của anh (chị) và chữa những lỗi điển đạt chưa trong sáng
- Chuẩn bị bài:
 - + Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ của dân tộc
 - + Mấy ý nghĩ về thơ và Đốt-xtôi-xki

Tiết 11

Đọc văn
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG
TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

Phạm Văn Đồng

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS:

- Nắm được những kiến giải sâu sắc của Phạm Văn Đồng về những giá trị lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu;
- Thấy được vẻ đẹp của áng văn nghị luận: cách nêu vấn đề độc đáo, giọng văn hùng hồn, giàu sức biểu cảm.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.
- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12 – tập 1.

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp: Đọc hiểu, thuyết trình, phát vấn, phân tích, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận...

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định lớp: Kiểm tra sĩ số

12D	12B
12E	12N
12H	

2. Kiểm tra bài cũ:

- (?) Trình bày cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn độc lập? Giá trị “Tuyên ngôn độc lập”?
- (?) Phong cách văn chính luận Hồ Chí Minh qua “Tuyên ngôn độc lập”?

3. bài mới:

Vào bài:

Nguyễn Đình Chiểu từ lâu đã đi vào cuộc đời của mỗi người dân Nam Bộ và thơ ca của dân tộc. Đánh giá về những đóng góp của nhà thơ cũng có nhiều biểu hiện khác nhau, nhất là vào những năm chống Mỹ ác liệt. Hôm nay, chúng ta cùng nhìn nhận lại vấn đề qua một bài viết của Phạm Văn Đồng về nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>1: Tìm hiểu những nét chính về tác giả + GV: Dựa vào phần <i>Tiểu dẫn</i>, nêu những nét chính về tác giả? + HS: Dựa vào sách giáo khoa và trả lời.</p> <p>+ GV: Như vậy, để viết được bài văn nghị luận tốt thì điều quan trọng nhất là phải có hiểu biết không chỉ về văn học mà còn cả về cuộc sống, có quan niệm đúng đắn về cuộc sống và con người + GV: Trong tác phẩm này có những bài viết về <i>Hồ Chí Minh</i>,</p>	<p>I. Giới thiệu chung: 1. Tác giả: (SGK) - Phạm Văn Đồng (1906 – 2000). - Quê: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. - Là một nhà Cách mạng lớn của nước ta trong thế kỉ XX. - Quá trình hoạt động cách mạng: + Tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng từ khi chưa đầy 20 tuổi. + 1929 – 1936: bị thực dân Pháp bắt, kết án tù và đày ra Côn Đảo + Đầu những năm 1940: được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng biên giới Việt – Trung, được bầu vào Ủy ban Dân tộc giải phóng. + Từng đảm nhiệm các cương vị: → Được đánh giá là một trong những học trò xuất sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh. - Ông còn là một nhà giáo dục tâm huyết, nhà lí luận văn hoá văn nghệ lớn. - Có những tác phẩm đáng chú ý về văn học nghệ thuật, bởi: + Quan niệm: viết cũng là một cách phục vụ cách mạng + Quan tâm, am hiểu và yêu thích văn học nghệ thuật. + Vốn sống lịch lãm, tầm nhìn sâu sắc, nhân cách lớn → đủ để đưa ra những nhận định đúng đắn, mới mẻ, sắc sảo về những vấn đề văn học nghệ thuật → Điều kiện để có một bài NLVH tốt: o Có hiểu biết sâu rộng về văn học và các lĩnh vực khác o Có quan niệm đúng đắn về thế giới cũng như đời sống con người.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p><i>Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu...</i></p>	<p>- Tác phẩm tiêu biểu: <i>Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ.</i></p>
<p>- Tìm hiểu chung về văn bản</p>	<p>2. Văn bản:</p>
<p>+ GV: Nêu hoàn cảnh ra đời của bài viết? + HS: Dựa vào phần <i>Tiểu dẫn</i> và trả lời. + GV: Bài viết ra đời trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ như thế nào? Bài viết được viết nhằm mục đích gì? + HS: Trả lời: Bài viết ra đời nhằm cổ vũ phong trào yêu nước đang dấy lên mạnh mẽ đó.</p>	<p>a. Hoàn cảnh ra đời: - Viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (3 – 7 – 1888), đăng trên tạp chí <i>Văn học</i> tháng 7 – 1963 - Hoàn cảnh năm 1963: Tình hình miền Nam có nhiều biến động lớn + Mỹ tài trợ và can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh + Phong trào đấu tranh chống Mỹ và tay sai nổi lên khắp nơi, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi.</p>
<p>- Thao tác 2: Tìm hiểu bố cục văn bản. + GV: Bài nghị luận này có thể chia làm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì? + HS: Thảo luận chung 2 phút và trả lời. + GV: Phần thân bài có bao nhiêu luận điểm? Tìm những câu chủ đề thể hiện luận điểm đó? + HS: Thảo luận chung 2 phút và trả lời.</p>	<p>b. Bố cục: * Ba phần: - <u>Phần mở bài:</u> Từ đầu đến “... cách đây hơn một trăm năm” → Nêu luận đề: Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ lớn của dân tộc. (“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”) - <u>Phần thân bài:</u> Từ “Nguyễn Đình Chiểu” đến “... văn hay của Lục Vân Tiên” → Nêu ba luận điểm tương ứng với ba câu chủ đề: + <u>Luận điểm 1:</u> Từ “Nguyễn Đình Chiểu” đến “... khôn lường thực hư” → Con người và quan niệm văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. (“Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ phấn đấu hi sinh vì một nghĩa lớn”) + <u>Luận điểm 2:</u> Tiếp theo đến “hai vai nặng nề” → Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ GV: Các luận điểm có tính thống nhất như thế nào?</p> <p>+ GV: Theo em, cách trình bày các luận điểm của văn bản có gì đặc biệt, độc đáo?</p>	<p>Chiều. <i>(“Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sống lại trong tâm trí chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 về sau, suốt hai mươi năm trời”)</i> + Luận điểm 3: Tiếp theo đến <i>“văn hay của Lục Vân Tiên”</i> → Đánh giá về truyện thơ <i>Lục Vân Tiên</i>. <i>(“Lục Vân Tiên, một tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu,)</i> - Phần kết bài: Còn lại → Đánh giá khái quát về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu <i>(“Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng..., nêu cao sự mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng”)</i> * Sự thống nhất giữa các luận điểm: Ba luận điểm quy tụ làm sáng tỏ một nhận định trung tâm: <i>“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường.... Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”</i> * Kết cấu độc đáo: - Không theo trật tự thời gian sáng tác: <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> được sáng tác trước nhưng lại được phân tích sau. - Phần viết về <i>Lục Vân Tiên</i> – <i>“tác phẩm lớn”</i> lại viết không kĩ bằng phần viết về thơ văn yêu nước. → Mục đích nghị luận quyết định hệ thống luận điểm và cách sắp xếp, mức độ nặng nhẹ của từng luận điểm <i>(Viết để làm gì? quyết định Viết như thế nào?)</i></p>
<p>* Tìm hiểu văn bản. - Tìm hiểu phần mở bài .</p> <p>+ GV: Tác giả mở đầu bằng một nhận định như thế nào, nêu lên điều gì?</p> <p>+ HS: Tìm dẫn chứng và trả lời.</p>	<p>II. Đọc – hiểu văn bản: 1. Phần mở bài: <i>Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ lớn của dân tộc</i> - Tác giả mở đầu bằng một nhận định khách quan có tính thời sự: <i>“Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là vào</i></p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ GV: Hiểu “<i>lúc này</i>” là thời điểm nào? Nhấn mạnh thời điểm ấy, Phạm Văn Đồng muốn nêu lên điều gì?</p> <p>+ HS: Suy nghĩ và trả lời.</p> <p>+ GV: Sau đó, Phạm Văn Đồng đã dùng câu văn ẩn dụ để khẳng định điều gì về Nguyễn Đình Chiểu?</p> <p>+ HS: Suy nghĩ và trả lời.</p> <p>+ GV giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> o <i>Nguyễn Đình Chiểu là ngôi sao có ánh sáng khác thường:</i> Nguyễn Đình Chiểu là một hiện tượng độc đáo, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra. o <i>Phải chăm chú nhìn thì mới thấy:</i> phải cố gắng tìm hiểu và tìm hiểu kỹ, phải kiên trì nghiên cứu thì mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của nó. o <i>Càng nhìn càng thấy sáng:</i> càng nghiên cứu, càng tìm hiểu kỹ ta sẽ càng thấy được cái hay của nó và càng khám phá ra được những vẻ đẹp mới <p>+ GV: Em có nhận xét gì về cách đặt vấn đề của tác giả?</p>	<p><i>lúc này</i>”</p> <p>→ “<i>Lúc này</i>”: năm 1963, phong trào đấu tranh chống Mỹ – ngụy của nhân dân miền Nam đang phát triển sôi sục, rộng khắp</p> <p>→ Nhấn mạnh thời điểm ca ngợi nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu để khẳng định truyền thống chống ngoại xâm, động viên nhân dân cả nước vùng lên.</p> <p>- Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:</p> <p>“<i>Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy</i>”</p> <p>→ Cách đặt vấn đề: đúng đắn, toàn diện và mới mẻ, như một định hướng để tìm hiểu về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.</p>
<p>+ GV: Theo tác giả, những lí do nào làm “<i>ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu</i>” chưa sáng tỏ hơn trên bầu trời văn nghệ của dân tộc?</p> <p>+ HS: Tìm dẫn chứng và trả lời.</p>	<p>- Tác giả nêu hai lí do khiến cho “<i>ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu</i>” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thứ nhất: Nhiều người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của truyện thơ <i>Lục Vân Tiên</i> và hiểu tác phẩm này khá thiên lệch về nội dung và nghệ thuật. + Thứ hai: Người đọc biết rất ít về thơ văn yêu nước - một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ GV: Cùng học sinh chốt lại vấn đề.</p>	<p>⇒ Cách đặt vấn đề độc đáo: nêu vấn đề, lí giải nguyên nhân, định hướng tìm hiểu... → phong phú, sâu sắc</p>
<p>-Tìm hiểu phần thân bài.</p> <p>+ GV: Tác giả đã giới thiệu những gì về con người nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu?</p> <p>+ HS: Tìm dẫn chứng và trả lời.</p> <p>+ GV: Tác giả đã nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật nào khi giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu?</p>	<p>2. Phần thân bài:</p> <p>a. Luận điểm 1: Con người và quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu</p> <p>- Con người:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sinh ra trên đất Đồng Nai hào phóng + Triều đình nhà Nguyễn cam tâm bán nước, nhân dân khắp nơi đứng lên đánh giặc cứu nước + Bị mù, Nguyễn Đình Chiểu dùng thơ văn phục vụ chiến đấu + Thơ văn ông ghi lại tâm hồn trong sáng và cao quý của ông và thời kì <i>khổ nhục nhưng vĩ đại</i> của dân tộc. <p>→ Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật: <i>khí tiết của một người chí sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn.</i></p>
<p>+ GV: Tác giả đã khẳng định: Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương sáng. Tác giả đã giới thiệu cho ta biết thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn như thế nào?</p> <p>+ HS: Trả lời</p> <p>+ GV: Nguyễn Đình Chiểu có quan niệm như thế nào về văn chương? Nhận xét về quan niệm sáng tác đó?</p> <p>+ HS: Tìm dẫn chứng và trả lời.</p> <p>+ GV: Trong phần này, tác giả đã đưa ra những luận điểm và luận cứ như thế nào? Có tác dụng gì?</p>	<p>- Quan điểm sáng tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thơ Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn mang tính chiến đấu, đánh thẳng vào giặc xâm lược và tội tó của chúng. + Với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút còn là một thiên chức nên ông khinh miệt những kẻ lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa. <p>→ Quan niệm sáng tác thống nhất với con người Nguyễn Đình Chiểu: văn thơ phải là vũ khí chiến đấu sắc bén.</p> <p>⇒ Tác giả đã đưa ra luận điểm có tính khái quát cao, luận cứ bao gồm các lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, giúp người đọc hiểu rõ và sâu sắc vấn đề.</p>
<p>+ GV: Trong phần đầu của luận</p>	<p>b. Luận điểm 2: Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu</p> <p>- Nêu bối cảnh thời đại Nguyễn Đình Chiểu</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>điểm 2, Phạm Văn Đồng đã tái hiện lại thời kì Nguyễn Đình Chiểu sống. Đó là thời kì như thế nào?</p> <p>+ HS: Tìm dẫn chứng và trả lời</p> <p>+ GV: Tại sao tác giả lại mở đầu phần này việc tái hiện lại thời kì Nguyễn Đình Chiểu sống?</p> <p>+ HS: Suy nghĩ và trả lời.</p> <p>+ GV: Tác giả gọi thời kì Nguyễn Đình Chiểu là thời kì “<i>khổ nhục nhưng vĩ đại</i>”. Văn chương Nguyễn Đình Chiểu phản chiếu lại thời kì này như thế nào?</p> <p>+ HS: Phát biểu</p> <p>+ GV: Văn chương chân chính còn phải tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của thời đại. Phạm Văn Đồng đã khẳng định thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu có tính chiến đấu như thế nào?</p>	<p>cảm bút: “khổ nhục nhưng vĩ đại”</p> <p>+ Nguyễn Tri Phương thua ở Sài Gòn, Triệu Đức vội vã đầu hàng</p> <p>+ Năm 1862, cắt ba tỉnh miền Đông và năm 1867 cắt ba tỉnh miền Tây cho giặc</p> <p>+ Cuộc chiến tranh của nhân dân lan rộng khắp nơi làm cho kẻ thù khiếp sợ và khâm phục</p> <p>→ Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là “<i>ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc</i>”, vì thơ văn ông đã “<i>làm sống lại phong trào kháng Pháp bền bỉ và oanh liệt của nhân dân Nam Bộ từ 1860 trở về sau</i>” → Vì nhà văn lớn, tác phẩm lớn khi phản ánh trung thành những đặc điểm bản chất của một giai đoạn lịch sử trọng đại.</p> <p>- Nêu nội dung chính thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:</p> <p>+ Là tấm gương phản chiếu thời đại nên sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là <i>lời ngợi ca những nghĩa sĩ nông dân dũng cảm và cũng là lời khóc thương cho những anh hùng thất thế, bỏ mình vì dân vì nước</i></p> <p>→ Phần lớn là những bài văn tế</p> <p>+ Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mang tính chiến đấu vì đã xây dựng những hình tượng “<i>sinh động và náo nùng</i>” về những con người “<i>suốt đời tận trung với nước, trọng nghĩa với dân, giữ trọn khí phách hiên ngang cho dù chiến bại</i>” và “<i>ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu</i>”:</p>
<p>+ GV: Mặt khác, bản chất của văn chương là sáng tạo. Văn chương đóng góp cho đời bằng những cái độc đáo, chưa từng thấy ở các tác phẩm trước đó hoặc cùng thời.</p> <p>+ GV: Phạm Văn Đồng đã phân tích tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu để cho người đọc thấy được sự sáng tạo của Nguyễn</p>	<p>o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”</p> <p>→ Ta thấy được <i>tính chiến đấu và sự sáng tạo</i> trong việc xây dựng hình tượng <i>người anh hùng</i> hoàn toàn mới trong văn học – <i>nghĩa sĩ nông dân</i></p> <p>o So sánh với “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khái hoàn, bài văn tế là khúc ca của những người anh hùng thất</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>Đình Chiểu? Sự sáng tạo đó là gì? + HS: Suy nghĩ và trả lời + GV: Tác giả đã so sánh bài <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> với <i>Bình Ngô đại cáo</i>. So sánh như vậy để làm gì? + HS: Tìm dẫn chứng và trả lời</p> <p>+ GV: Phạm Văn Đồng đã dẫn thêm bài thơ <i>Xúc cảnh</i> của Nguyễn Đình Chiểu nhằm mục đích gì? + HS: Suy nghĩ và trả lời + GV: Phạm Văn Đồng đã đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng. Đặt như vậy là nhằm mục đích gì? + GV Với ý nghĩa ấy, Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là “<i>ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc</i>”</p>	<p>thế mà vẫn hiên ngang → Khẳng định giá trị to lớn của bài văn tế. o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như “<i>Xúc cảnh</i>”</p> <p>→ Tác giả không phân tích mà chỉ gọi ra để người đọc cảm nhận được sự phong phú trong thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa...</p> <p>→ Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu góp phần tạo nên diện mạo của văn học thời kì này và Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu, là ngôi sao sáng nhất của thơ văn yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX.</p>
<p>+ GV: Trong luận điểm 2, Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu với trí tuệ, sự hiểu biết như thế nào? Nhận xét về cách viết của tác giả? + HS: Suy nghĩ và trả lời</p> <p>+ GV: Phạm Văn Đồng không nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu với con mắt hoài cổ mà luôn nhìn từ trung tâm cuộc sống hôm nay. Cách nhìn nhận như vậy là tác giả muốn cho người đọc thấy được điều gì? + HS: Suy nghĩ và trả lời</p>	<p>=> Nhận xét: + Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu bằng một <i>trí tuệ sáng suốt, hiểu biết sâu sắc</i> qua hệ thống <i>lập luận rõ ràng và chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể và thuyết phục</i> → Giọng văn nghị luận không khô khan mà thấm đẫm cảm xúc + Tác giả không nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu với con mắt hoài cổ - tiếc thương những giá trị cũ, mà luôn nhìn từ trung tâm cuộc sống hôm nay – những năm 60 của thế kỉ XX → Con người hôm nay có điều kiện để <i>đồng cảm</i> với một con người đã sống hết mình vì dân tộc, thấu hiểu hơn những giá trị thơ văn của con người đó.</p>
<p>+ GV: Phạm Văn Đồng đã nêu</p>	<p>c. Luận điểm 3: Truyện thơ Lục Vân Tiên - Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>lên lí do nào làm cho tác phẩm <i>Lục Vân Tiên</i> được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian?</p> <p>+ HS: Tìm dẫn chứng và trả lời</p> <p>+ GV: Khi bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm, Phạm Văn Đồng thừa nhận điều gì?</p> <p>+ HS: Tìm dẫn chứng và trả lời</p> <p>+ GV: Tác giả cũng đã khẳng định đó là những hạn chế như thế nào của tác phẩm <i>Lục Vân Tiên</i>? Vì sao?</p> <p>+ HS: Tìm dẫn chứng và trả lời</p> <p>+ GV: Việc nêu lên hạn chế trước rồi sau đó lí giải có tác dụng gì?</p> <p>+ HS: Suy nghĩ và trả lời.</p>	<p>là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian:</p> <p>“trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những con người trung nghĩa”</p> <p>- Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:</p> <p>+ Thừa nhận sự thật: “<i>Những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời</i>”, trong tác phẩm có những chỗ “<i>lời văn không hay lắm</i>” → trung thực, công bằng khi phân tích.</p> <p>+ Khẳng định bằng những lí lẽ và dẫn chứng xác thực: đó là những hạn chế không thể tránh khỏi và không phải là chính yếu:</p> <p>o Hình tượng con người trong “<i>Lục Vân Tiên</i>” gần gũi với mọi thời, vấn đề đạo đức trong <i>Lục Vân Tiên</i> mang tính phổ quát xưa nay → “<i>gần gũi với chúng ta</i>”, “<i>làm cho chúng ta cảm xúc và thích thú</i>”</p> <p>o Lối kể chuyện “<i>nôm na</i>” dễ nhớ, dễ truyền bá trong dân gian → người miền Nam say sưa nghe kể “<i>Lục Vân Tiên</i>”</p> <p>→ Thủ pháp “<i>đòn bẩy</i>”: nêu hạn chế để khẳng định giá trị trường tồn của tác phẩm “<i>Lục Vân Tiên</i>”</p>
<p>+ GV: Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “<i>Truyện Lục Vân Tiên</i>” trong mối quan hệ nào? Đó là cách xem xét như thế nào?</p> <p>+ HS: Suy nghĩ và trả lời.</p>	<p>=> Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “<i>Truyện Lục Vân Tiên</i>” trong mối quan hệ mật thiết với đời sống nhân dân (quen thuộc với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến) → Đó là cơ sở đúng đắn và quan trọng nhất để đánh giá tác phẩm này.</p>
<p>- Thao tác 3: Tìm hiểu phần kết bài.</p> <p>+ GV: Tác giả đã khẳng định những gì về Nguyễn Đình Chiểu?</p> <p>+ HS: Tìm dẫn chứng và trả lời.</p> <p>+ GV: Qua lời tổng kết đó, tác giả muốn rút ra bài học gì?</p>	<p>3. Phần kết bài:</p> <p>- Khẳng định về đẹp nhân cách và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc: “<i>Nguyễn Đình Chiểu là một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta</i>”.</p> <p>- Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người:</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ HS: Suy nghĩ và trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Vai trò của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng o Vai trò to lớn của văn học đối với đời sống o Tưởng nhớ đến Nguyễn Đình Chiểu, một con người anh dũng, một “ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc” 	<p>“Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tâm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chí sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng”</p> <p>→ Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước, lá cờ đầu của thơ văn yêu nước, là người nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng.</p>
<p>* Hoạt động 3: Tổng kết</p> <p>+ GV: Gv hướng dẫn hs tổng kết:</p> <p>(o Vì bài viết cho thấy quan điểm tiếp cận và đánh giá đúng đắn, khoa học về một hiện tượng văn học, nhất là những trường hợp đặc biệt như thơ văn Đồ Chiểu.</p> <ul style="list-style-type: none"> o Cần dày công tìm hiểu và kiên trì nghiên cứu mới khám phá được cái hay, cái đẹp của thơ văn o Cần nhìn nhận các hiện tượng văn học trong những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của thời đại và bản thân tác giả. o Cần đặt tác giả, tác phẩm trong thời đại mới để phát hiện các giá trị hiện đại, tích cực của nó). <p>+ HS: đọc và ghi nhớ.</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p style="text-align: center;">Ghi nhớ (SGK)</p> <p>-Qua bài văn nghị luận, Phạm Văn Đồng muốn chúng ta hiểu thật đúng và thật sâu sắc về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu</p> <p>-Bài viết này có ý nghĩa như một định hướng cho việc nghiên cứu và tiếp cận một hiện tượng văn học</p>

4. Củng cố, dặn dò: Nắm chắc:

- Hệ thống luận điểm, luận cứ của bài văn.
- Cách giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu
- Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu và tính chiến đấu của nó
- cách viết của tác giả trong bài văn nghị luận này

5. Hướng dẫn về nhà:

- Chuẩn bị bài mới: **MÁY Ý NGHĨ VỀ THƠ – ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI**
- Câu hỏi: Trả lời các câu hỏi sau các văn bản đọc thêm.

+ Nguyễn Đình Thi lí giải về đặc trưng cơ bản nhất của thơ: Thơ là biểu hiện của tâm hồn con người như thế nào?

+ Theo Nguyễn Đình Thi thơ có những đặc trưng nào?

+ Quan niệm về thơ của Nguyễn Đình Thi ngày nay còn có giá trị không? Vì sao?

+ Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung Đô-xtôi-ép-xki là gì

+ Từ câu “*Cuối cùng ...*” đến hết đoạn trích, các biện pháp so sánh, ẩn dụ đều quy tụ về một thế giới như thế nào? Qua đó, X.Vaigơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tầm vóc của Đôx-xtôi-ép-xki?

+ Việc X.Vaigơ luôn gắn Đôx-xtôi-ép-xki với bối cảnh thời sự, chính trị và văn chương có tác dụng như thế nào trong việc làm nổi bật vai trò của nhà văn?

Tiết 12- Đọc thêm:

**MÁY Ý NGHĨ VỀ THƠ – N. Đình Thi
ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI – X.Xvai-Gơ**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh:

- Hiểu được đặc trưng của thơ (hình ảnh, tư tưởng, tính chân thật, ngôn ngữ,..);
- Thấy được cách lập luận chặt chẽ, cách diễn đạt tinh tế, có hình ảnh, giàu cảm xúc.
- Thấy được cuộc đời và tác phẩm của Đô-xtôi-ép-xki là nguồn cổ vũ quần chúng lao động nghèo đoàn kết đứng lên lật đổ ách cường quyền. Đô-xtôi-ép-xki được mọi người, mọi thế hệ tôn vinh;
- Thấy được nghệ thuật dựng chân dung văn học của Xvai-gơ.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.
- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12 – tập 1.

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV tổ chức giờ dạy theo cách kết hợp các phương pháp Đọc-hiểu, gợi tìm, phát vấn, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận...

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

12D	12H
12B	12N
12E	

2.Kiểm tra bài cũ:

- (?) Cách giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu có gì khác lạ, nhằm mục đích gì?
- (?) Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện điều gì? Có tính chiến đấu như thế nào?
- (?)Nhận xét về cách viết của tác giả trong bài văn nghị luận này?

3.Bài mới:

Vào bài: Trực tiếp.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>* Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn bản Máy ý nghĩ về thơ</p> <p>- GV: Nguyễn Đình Thi lí giải về đặc trưng cơ bản nhất của thơ: Thơ là biểu hiện của tâm hồn con người như thế nào?</p>	<p>I. MÁY Ý NGHĨ VỀ THƠ:</p> <p>1 . Đặc trưng cơ bản nhất của thơ: thể hiện tâm hồn con người.</p> <p>- Đặt ra một câu hỏi: không mang nghĩa nghi vấn mà khẳng định:</p> <p>“<i>Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong</i></p>

<p>- GV: Nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi được bộc lộ như thế nào trong nghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra?</p>	<p>ngữ tự sự, kể chuyện, - Ngôn ngữ trong kịch: chủ yếu là ngôn ngữ đối thoại - Ngôn ngữ thơ ca: có tác dụng gợi cảm đặc biệt nhờ yếu tố nhịp điệu, <i>“Cái kì diệu ấy của tiếng nói trong thơ, có lẽ chẳng ta tìm nó trong nhịp điệu (...) một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn”</i>. - Xuất phát từ sự đề cao nhịp điệu bên trong, nhịp điệu của tâm hồn, Nguyễn Đình Thi quan niệm: + <i>“không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không vần”</i> mà chỉ có <i>“thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ”</i>. + Thời đại mới, tư tưởng, tình cảm mới, nội dung mới đòi hỏi một hình thức mới, điều quan trọng là dùng thơ tự do, thơ không vần, hay <i>“dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn đạt được đúng tâm hồn con người mới ngày nay”</i>. 4. Nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi: Bộc lộ trong nghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra. - Mở đầu bài viết, dùng ngay lập luận phủ nhận để khẳng định (bác bỏ một số quan niệm có phần phiến diện về thơ- có người cho <i>“thơ là ở những lời đẹp”</i> lại có người cho <i>“thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ”</i>, để nhấn mạnh đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người), - từ đó triển khai các ý ngày càng cụ thể hơn, xoáy sâu vào vấn đề chính. - Lí lẽ gắn với dẫn chứng. Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh rất cụ thể, sinh động, gây ấn tượng mạnh: + <i>“Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Toé lên ở những nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật, trước hết là những cảm xúc”</i>,</p>
---	---

<p>- GV: Quan niệm về thơ của NĐT ngày nay còn có giá trị không? Vì sao?</p> <p>* Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn bản Đô-xtôi-ép-ki</p> <p>- GV: Đô-xtôi-ép-ki qua nét vẽ của X. Vai gơ là một con người có những nét gì đặc biệt về tính cách và số phận?</p> <p>- GV: Tìm dẫn chứng về số phận bị vùi dập và sức lao động phi thường của Đô-xtôi-ép-xki ?</p> <p>- GV: Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung Đô-xtôi-ép-xki ?</p>	<p>+ “Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung”.</p> <p>5. Giá trị của bài văn:</p> <p>- Việc nêu lên những vấn đề đặc trưng bản chất của thơ ca không chỉ có tác dụng nhất thời lúc bấy giờ mà ngày nay nó vẫn còn có giá trị</p> <p>- Bởi ý nghĩa thời sự, tính chất khoa học đúng đắn, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống và thực tiễn sáng tạo thi ca</p> <p>II. ĐÔ - XTÔI – ÉP – XKI (Trích):</p> <p>1. Tính cách và số phận của Đô – xtoi – ép – xki:</p> <p>a. Hai thời điểm đối lập trong cuộc sống:</p> <p>- Thời điểm thứ nhất: kiếp sống của một kẻ lưu vong (<i>tờ séc cuối cùng ,hiệu cảm đồ, phòng làm việc, con động kinh, tiền nợ</i> → thời điểm của sự tuyệt vọng lớn nhất.</p> <p>- Thời điểm thứ hai:</p> <p>+ Trở về Tổ quốc, “<i>một giây hạnh phúc tuyệt đỉnh</i>”,</p> <p>+ những giờ phút “<i>xuất thân</i>”,</p> <p>+ niềm hứng khởi trước đám đông cuồng nhiệt.</p> <p>+ Sau đó là cái chết khi “<i>sứ mệnh đã hoàn thành</i>”, trong tình cảm anh em của tất cả các giai cấp và tất cả các đảng cấp của nước Nga.</p> <p>b. Những mâu thuẫn trong thiên tài Đô-xtôi-ép-xki:</p> <p>- Những tình cảm mãnh liệt >< trong cơ thể yếu đuối của con bệnh thần kinh;</p> <p>- Con người mang trái tim vĩ đại >< phải tìm đến những cơ hội thấp hèn, bị giày vò vì hoàn cảnh.</p> <p>- Số phận vùi dập thiên tài >< nhưng thiên tài tự cứu vãn bằng lao động và tự đốt cháy trong lao động.</p> <p>- Vinh quang tột đỉnh của Đốt >< cũng vẫn gắn với đau khổ.</p> <p>- Người bị lưu đày biệt xứ- <i>đau khổ một mình</i> ->< <i>sứ giả của xứ sở mình.</i></p> <p>2. Cấu trúc tương phản ở nhiều cấp độ:</p>
---	--

<p>- GV: Từ câu “<i>Cuối cùng ...</i>” đến hết đoạn trích, các biện pháp so sánh, ẩn dụ đều quy tụ về một thế giới như thế nào? Qua đó, X.Vaigơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tầm vóc của Đô-xtôi-ép-xki?</p> <p>- GV: Việc X.Vaigơ luôn gắn Đô-xtôi-ép-xki với bối cảnh thời sự, chính trị và văn chương có tác dụng như thế nào trong việc làm nổi bật vai trò của nhà văn?</p>	<p>- Trong nội bộ một câu, hoặc giữa hai vế, giữa hai từ ngữ. Ví dụ : + <i>Nước Nga tiếng gọi vĩnh cửu của niềm tuyệt vọng của ông..</i>, + <i>Lao động là sự giải thoát và là nỗi thống khổ của ông.</i></p> <p>- Trong từng đoạn. Ví dụ : + Hai hệ thống hình ảnh trái ngược ở đoạn từ “<i>Suốt đêm...tinh thần của chúng ta</i>”. + Ở đây có sự đối lập: sự dằn vặt của cuộc sống hằng ngày >< những tác phẩm đồ sộ, thế giới tinh thần.</p> <p>- Sự đối lập giữa những chi tiết hèn mọn về đời thường >< với những hình ảnh cao cả khác thường của khát khao sáng tạo của thiên tài</p> <p>3. Biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ:</p> <p>- So sánh: <i>“tác phẩm...là rượu ngọt - “đếm các ngày như trước đây đếm cái cốc của trại giam”, “trở về như một kẻ hành khất”, “lời như sấm sét”.</i></p> <p>- Ẩn dụ: <i>“quả đã được cứu thoát, vỏ khô rụng xuống”, “thành phố ngàn tháp chuông”.</i></p> <p>→ Những hình ảnh so sánh và ẩn dụ có hệ thống ở đây đều thuộc lĩnh vực tôn giáo, hoặc những lực lượng siêu nhiên.</p> <p>→ Mục đích: từ chỗ mô tả như một con người khốn khổ, bị chà đạp, nâng lên thành một vị thánh, một con người siêu phàm</p> <p>4. Biện pháp tô đậm chân dung văn học:</p> <p>Gắn hình tượng con người trên khung cảnh rộng lớn.</p> <p>- Cái nền Đô-xtôi-ép-xki xuất hiện: hình ảnh xã hội Nga đương thời.</p> <p>- Thiên tài bị đè nén bởi số phận, nhưng cũng có thể tác động trở lại số phận, không chỉ số phận mình mà của cả dân tộc, thời đại: Hình ảnh nước Nga ở nửa đầu và cuối đoạn trích.</p>
--	---

4.Củng cố, dặn dò: Nắm chắc:Nội dung và đặc sắc về nghệ thuật trong hai văn bản Đọc thêm.

5.Hướng dẫn về nhà:- Tìm hiểu đề bài của SGK và lập dàn ý cho đề bài?

Tuần 5
Ngày 8.9.2014
Tiết 13

Làm văn
NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

A.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS :

- Nắm được cách viết bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.

B.PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1.
- Giáo án Ngữ văn 12 – tập 1.
- HS.Soạn bài theo các mục sgk

C. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV dạy kết hợp các phương pháp Đọc-hiểu, gợi tìm, phát vấn, kết hợp trao đổi thảo luận...

D. TIẾN TRÌNH DẠY học

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số

12D	12C
12B	12H
12E	

2.Kiểm tra bài cũ:

Trình bày cách làm một bài văn nghị luận về một Tư tưởng đạo lí?

3.Bài mới:

Bài học hôm nay sẽ là *Nghị luận về một hiện tượng đời sống.*

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>Tìm hiểu đề của SGK</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh đọc tư liệu tham khảo “<i>Chia chiếc bánh của mình cho ai?</i>” (SGK)</p> <p>- Đề bài yêu cầu nghị luận về hiện tượng gì?</p> <p>- Em dự định trong bài viết của mình gồm có những luận điểm nào?</p> <p>+ Học sinh thảo luận nhóm và trả lời.</p>	<p>I. Cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đạo lí:</p> <p>1. Tìm hiểu đề:</p> <p>- Đề bài yêu cầu bày tỏ ý kiến: việc làm của anh Nguyễn Hữu Ân - vì tình thương “<i>dành hết chiếc bánh thời gian của mình</i>” chăm sóc cho hai người mẹ bị bệnh hiểm nghèo.</p> <p>- Luận điểm:</p> <p>+ Việc làm Nguyễn Hữu Ân: nêu tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha, đức hi sinh của thanh niên.</p> <p>+ Đây là hiện tượng sống đẹp, thế hệ ngày nay cần có nhiều tấm gương như Nguyễn Hữu Ân.</p>

<p>- Bài viết sẽ sử dụng những dẫn chứng nào?</p> <p>- Cần vận dụng những thao tác lập luận nào? Học sinh thảo luận nhóm và trả lời.</p> <p>Hướng dẫn lập dàn ý</p> <p>- Phần mở bài cần nêu lên những gì? Giới thiệu về hiện tượng như thế nào?</p> <p>- Phần thân bài có những ý chính nào? Tại sao?</p> <p>- Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa gì, tiêu biểu cho phẩm chất nào của thanh niên ngày nay?</p> <p>- Em hãy đánh giá chung về những hiện tượng tương tự như hiện tượng Nguyễn Hữu Ân?</p> <p>- Những hiện tượng nào cần phê phán?</p>	<p>+ Còn một số người có lối sống ích kỉ, vô tâm, đáng phê phán, “<i>lãng phí chiếc bánh thời gian vào những việc vô bổ</i>”.</p> <p>+ Bài học: Tuổi trẻ cần dành thời gian tu dưỡng, lập nghiệp, sống vị tha để cuộc đời đẹp hơn.</p> <p>- Dẫn chứng:</p> <p>+ Một số việc làm có ý nghĩa của thanh niên ngày nay: dạy học lớp tình thương, giúp đỡ người tàn tật neo đơn, tham gia phong trào tình nguyện...</p> <p>+ Một số việc làm đáng phê phán: học sinh bỏ học ra ngoài chơi điện tử, đánh bi a, tham gia đua xe...</p> <p>- Thao tác nghị luận: phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ.</p> <p>2. Lập dàn ý:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu hiện tượng Nguyễn Hữu Ân</p> <p>- Trích dẫn đề văn, nêu vấn đề “<i>chia chiếc bánh mì của mình cho ai?</i>”</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>- Tóm tắt hiện tượng: Nguyễn Hữu Ân đã dành hết thời gian của mình cho những người ung thư giai đoạn cuối.</p> <p>- Phân tích hiện tượng: Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay:</p> <p>+ Hiện tượng này chứng tỏ thanh niên Việt Nam đã và đang phát huy truyền thống <i>Lá lành đùm lá rách</i>, tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau của cha ông xưa.</p> <p>+ Nguyễn Hữu Ân tiêu biểu cho lối sống đẹp, tình yêu thương con người của thanh niên.</p> <p>+ Một số tấm gương tương tự.</p> <p>- Bình luận:</p> <p>+ Đánh giá chung về hiện tượng: Đa số thanh niên Việt Nam có ý thức tốt với việc làm của mình, có hành vi ứng xử đúng đắn, có tấm lòng nhân đạo, bao dung. Không chỉ vì một số ít thanh niên có thái độ và việc làm</p>
---	--

<p>Em rút ra được bài học gì cho những thanh niên, học sinh ngày nay?</p> <p>- Phần kết bày nêu lên điều gì?</p> <p>Cách làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.</p> <p>- Nghị luận đời sống là gì?</p> <p>- Khi làm bài một bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống cần đạt được những yêu cầu nào ?</p> <p>HS trả lời.</p> <p>• Luyện tập.</p> <p>* Bài tập 1</p> <p>- Hiện tượng mà Nguyễn Ái Quốc nêu lên trong bài viết là gì? Hiện tượng ấy diễn ra vào khoảng thời gian nào?</p>	<p>không hợp lí mà đánh giá sai toàn bộ thanh niên.</p> <p>+ Phê phán: Một vài hiện tượng tiêu cực “lãng phí chiếc bánh thời gian” vào những việc vô bổ, không làm được gì cho bản thân, gia đình, bạn bè, những người cần được quan tâm, chia sẻ.</p> <p>+ Kêu gọi: Thanh niên, học sinh ngày nay hãy noi gương Nguyễn Hữu Ân để thời gian của mình không trôi đi vô ích.</p> <p>c. Kết bài: Bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết đối với hiện tượng.</p> <p>3.Cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống: <i>Ghi nhớ (SGK).</i></p> <p>- Nghị luận đời sống: là bàn về một hiện tượng có ý nghĩa trong xã hội.</p> <p>- Bài nghị luận cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nêu rõ hiện tượng + Phân tích các mặt đúng – sai, lợi – hại + Chỉ ra nguyên nhân + Bày tỏ ý kiến, thái độ của người viết <p>- Ngoài việc vận dụng các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận..., cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình.</p> <p>II. LUYỆN TẬP:</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>a. Nguyễn Ái Quốc bàn về hiện tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự lãng phí thời gian của thanh niên An Nam. Hiện tượng ấy diễn ra vào những năm đầu thế kỉ XX. Ngày nay, hiện tượng ấy vẫn còn. - Nêu và phê phán hiện tượng: thanh niên, học sinh Việt Nam du học lãng phí thời gian vào những việc vô bổ - Chỉ ra nguyên nhân: Họ chưa xác định được lí tưởng sống đúng đắn, ngại khó, ngại khổ, lười biếng hoặc chỉ sống vì tiền bạc, vì lợi ích nhỏ
--	---

<p>- Nguyễn Ái Quốc đã dùng các thao tác lập luận nào?</p> <p>- Nhận xét về cách dùng từ, diễn đạt của Bác?</p> <p>- Qua bài viết trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?</p> <p>* Bài tập 2: Nêu lên dàn ý đại cương cho bài viết? HS: Thảo luận và trả lời.</p> <p>+ GV: Chốt lại và yêu cầu học sinh xem phần gợi ý ở SBT NV tập 1.</p>	<p>hẹp</p> <p>- Bàn bạc: Nêu một vài tấm gương thanh niên, sinh viên chăm học đạt địa vị cao, khi trở về thì phục vụ cho nước nhà (giảng dạy ở các trường đại học hoặc làm việc ở các ngành kinh tế, khoa học, kỹ thuật)</p> <p>b. Các thao tác lập luận:</p> <p>- <i>Phân tích:</i> thanh niên du học, thanh niên trong nước, lối sống của họ nguy hại cho đất nước</p> <p>- <i>So sánh:</i> nêu hiện tượng thanh niên, sinh viên Trung Hoa du học chăm chỉ, cần cù.</p> <p>- <i>Bác bỏ:</i> “<i>Thế thì thanh niên chúng ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: Họ không làm gì cả.</i>”</p> <p>c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:</p> <p>- Dùng từ ngữ giản dị, không hoa mỹ, nêu dẫn chứng xác thực, cụ thể;</p> <p>- Kết hợp nhuần nhuyễn các kiểu câu trần thuật, câu hỏi (“<i>Thế thì ... gì?</i>”), câu cảm thán (“<i>Hỡi ... hỡi sinh!</i>!”).</p> <p>d. Rút ra bài học:</p> <p>- Xác định lí tưởng, cách sống;</p> <p>- Mục đích, thái độ học tập đúng đắn.</p> <p>2. Bài tập 2:</p> <p>* Dàn ý:</p> <p>Mở bài:</p> <p>- Nêu hiện tượng, trích dẫn đề, nhận định chung.</p> <p>Thân bài:</p> <p>- Phân tích hiện tượng</p> <p>- Bình luận hiện tượng</p> <p>+ Đánh giá chung về hiện tượng</p> <p>+ Phê phán các biểu hiện chưa tốt</p> <p>Kết bài:</p> <p>- Bày tỏ suy nghĩ riêng của mình</p> <p>- Kêu gọi mọi người tránh xa các tệ nạn xã hội.</p>
--	---

4. Củng cố, dặn dò: Nắm chắc:

- Thế nào là nghị luận về một hiện tượng đời sống
- Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống

5. Hướng dẫn về nhà:

- Đọc ba văn bản a, b và c và xác định mỗi văn bản thuộc loại văn bản khoa học nào? Từ đó cho biết có mấy loại văn bản khoa học?
- Thế nào là ngôn ngữ khoa học? Ngôn ngữ khoa học có những đặc trưng cơ bản nào?

Tiết 14
Tiếng Việt

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh:

- Nắm được khái niệm ngôn ngữ khoa học, các loại văn bản khoa học thường gặp, các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học và đặc điểm về phương tiện ngôn ngữ trong phong cách ngôn ngữ khoa học;
- Có kỹ năng cần thiết để lĩnh hội, phân tích các văn bản khoa học và tạo lập các văn bản khoa học (thuộc các ngành khoa học trong chương trình THPT).

B. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1..
- HS làm bài tập trong sgk

C. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV dạy theo cách kết hợp các phương pháp: Đọc hiểu, thuyết trình, phát vấn, phân tích, kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận...

D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số

12C	12E
12D	12H
12B	

2. Kiểm tra bài cũ:

Là học sinh cần có trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt như thế nào?

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>* Tìm hiểu các loại văn bản khoa học + GV: Yêu cầu 3 học sinh đọc: Đoạn trích a, b, c. - Ba đoạn trích trên đều nói về những vấn đề khoa học. Nhưng khác nhau về mức độ và phạm vi sử dụng như thế nào? HS Trả lời. - Các văn bản trên thuộc những loại văn</p>	<p>I. Văn bản khoa học và ngôn ngữ k.học: 1. Tìm hiểu ngữ liệu: - Về mức độ: + Văn bản a: chuyên sâu + Văn bản b: phù hợp với học sinh THPT + Văn bản c: phổ cập - Về phạm vi sử dụng: VB a: người có trình độ chuyên môn sâu</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>bản khoa học nào? HS: Trả lời.</p>	<p>VB b: trong nhà trường VB c: mọi người - Các loại văn bản khoa học: a: VBKH chuyên sâu b: VBKH giáo khoa c: VBKH phổ cập</p>
<p>- Tìm hiểu khái niệm ngôn ngữ k.học. - Qua các VD phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học? + HS: Trả lời. - Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? - Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng? + HS: Trả lời.</p>	<p>2. Ngôn ngữ khoa học: - Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiếp về những vấn đề khoa học. - Các dạng + Dạng viết báo cáo khoa học, luận văn, luận án, SGK, sách phổ biến khoa học... + Dạng nói: giảng bài, nói chuyện khoa học, thảo luận – tranh luận khoa học...</p>
<p>* Luyện tập. - Bài tập 1</p> <p>- Nội dung thông tin là gì ? HS: Trình bày</p> <p>- Thuộc loại văn bản nào ? HS: Trình bày</p> <p>- Tìm các thuật ngữ khoa học được sử dụng trong văn bản ? HS: Trình bày</p>	<p>* Luyện tập: Bài tập 1: Bài <i>Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX</i> - Nội dung thông tin: + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá + Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn + Những đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn từ 1945 đến 1975 và 1975 đến hết thế kỉ XX. - Thuộc loại văn bản: ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, hoặc chuyên ngành Khoa học Ngữ văn - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm: + Dùng nhiều thuật ngữ khoa học. + Kết cấu của văn bản mạch lạc, chặt chẽ: có hệ thống đề mục lớn nhỏ, các phần, các đoạn rõ ràng</p>
<p>GV hướng dẫn hs làm bài tập 2 Cho ví dụ về đoạn thẳng và chia nhóm cho học sinh thảo luận các từ còn lại + HS: Trình bày</p>	<p>Bài tập 2: Ví dụ: <i>Đoạn thẳng</i> - Thông thường: là đoạn không cong queo, gãy khúc</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
	- Toán học: Đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau

4. Củng cố, dặn dò: Nắm chắc:

- Thế nào là ngôn ngữ khoa học. Các loại văn bản khoa học
- Soạn bài tiếp theo
- Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học và bài tập sgk

Tiết 15

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC(Tiếp theo)

1. Ôn định lớp: Kiểm tra sĩ số

- | | |
|-----|-----|
| 12D | 12E |
| 12B | 12H |
| 12C | |

2. Kiểm tra bài cũ:

Thế nào là ngôn ngữ khoa học. Có các loại văn bản khoa học nào?

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>*Tìm hiểu tính khái quát, trừu tượng</p> <p>- Cho biết tính khái quát trừu tượng của ngôn ngữ khoa học thể hiện như thế nào?</p> <p>HS: Trả lời.</p>	<p>II. Đặc trưng của ngôn ngữ khoa học:</p> <p>1. Tính khái quát, trừu tượng :</p> <p>- Dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.</p> <p>- Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể)</p>
<p>* Tìm hiểu tính lí trí, logic của ngôn ngữ khoa học.</p> <p>- Thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?</p> <p>HS: Trả lời.</p>	<p>2. Tính lí trí, logic:</p> <p>- Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.</p> <p>- Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.</p> <p>- Kết cấu văn bản: Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic.</p>
<p>*Tìm hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá</p> <p>- Tính khách quan, phi cá thể của ngôn</p>	<p>3. Tính khách quan, phi cá thể:</p> <p>- Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc</p>

<p>ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào? Hs Trả lời.</p>	<p>- Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân</p>
<p>* Học sinh đọc to phần Ghi nhớ SGK. GV: Lưu ý về cách diễn đạt đúng khoa học trong bài văn nghị luận: - Sự thiếu mạch lạc trong câu văn: Câu què quặt, thiếu chủ ngữ hoặc lặp, thừa chủ ngữ + Không biết chấm câu, câu văn dài lê thê, “ý nọ xọ ý kia” hoặc rối ý + Câu văn “đầu Ngô mình Sở”, không phát triển theo một chủ đề nhất định, đầu cuối không tương ứng. → Do thói quen nghĩ gì viết nấy, nghĩ đến đâu viết đến đó, không có một dàn ý chung cho cả văn bản, không có một nội dung tổng thể trước khi viết văn bản → Trái với phong cách của ngôn ngữ khoa học.</p>	<p>* Ghi nhớ (sgk) → Yêu cầu của câu trong VBKH: mỗi câu tương ứng với một phán đoán logic, diễn đạt một ý; mỗi từ chỉ biểu hiện một nghĩa - Sự thiếu mạch lạc trong đoạn văn, bài văn: + Ý của câu trước không ăn nhập với ý câu sau. Ý câu sau không phát triển được ý câu trước. + Ý của đoạn trước không liên kết với ý của đoạn sau + Bài văn: Phần mở đầu không định hướng cho phần lập luận. Phần lập luận không theo một trật tự logic nào. Luận điểm không rõ ràng, không được chứng minh; luận cứ không có cơ sở, phần lớn chỉ là bất chước hoặc minh họa lẫn lộn. Phần kết luận không tóm tắt được những luận điểm đã trình bày.</p>
<p>bài tập 3 - Tính lí trí và logic của văn bản được thể hiện ở những phương diện nào? HS Trình bày</p>	<p>III. Luyện tập Bài tập 3 : - Thuật ngữ: <i>khảo cổ, người vượn, hạch đá, mảnh tước, rìu tay, di chỉ, công cụ đá...</i> - Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận: + Câu đầu: nêu lên luận điểm Các câu sau: nêu các luận cứ, cứ liệu thực tế</p>
<p>Bài 4 GV Hướng dẫn học sinh làm bài tập 4 ở nhà.</p>	<p>Bài tập 4: - Cần đảm bảo: + Nhất quán về nội dung: các câu đều tập trung vào chủ đề “sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống” và phát triển, làm rõ chủ đề đó. + Các câu liên kết với nhau và có quan hệ lập luận chặt chẽ. + Mỗi câu, mỗi từ cần đúng về nghĩa, về phong cách khoa học.</p>

<p>- GV: Khi phân tích một đề bài, ta cần phân tích những gì?</p> <p>- GV: Bài viết cần theo thể loại nào, sử dụng những thao tác lập luận nào?</p> <p>- GV: Dẫn chứng ta có thể lấy từ đâu?</p> <p>*Hướng dẫn học sinh lập dàn ý.</p> <p>- học sinh tìm ý cho phần mở bài. GV: Mở bài ta có thể giới thiệu những ý nào? Gọi 1 học sinh tập mở bài miệng cho đề bài.</p> <p>- Hướng dẫn học sinh tìm ý cho phần thân bài.</p> <p>+ Luận điểm 1 là gì?</p> <p>+ Thế nào là <i>tình thương</i>?</p> <p>+ Thế nào là <i>Hạnh phúc</i>?</p> <p>+ Tại sao nói <i>Tình thương là hạnh phúc của con người</i>?</p> <p>+ GV Luận điểm 2 là gì?</p> <p>+ <i>Tình thương</i> được biểu hiện như thế nào trong phạm vi gia đình?</p>	<p>Tình thương là hạnh phúc của con người.</p> <p>I. Phân tích đề:</p> <p>- Nội dung vấn đề: Ý nghĩa và tác dụng của lối sống có tình thương.</p> <p>- Thể loại và thao tác nghị luận: nghị luận xã hội: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ...</p> <p>- Phạm vi tư liệu:</p> <p>+ Tâm gương của những con người sống có tình thương</p> <p>+ Những danh ngôn, ca dao, tục ngữ... nói về ý nghĩa của lối sống có tình thương</p> <p>II. Xây dựng dàn ý:</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Hạnh phúc là một khái niệm tinh thần trừu tượng. Tùy theo vai trò, vị trí của từng cá nhân, từ giai cấp trong xã hội mà có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc.</p> <p>- Nhân dân ta quan niệm: <i>Tình thương là hạnh phúc của con người.</i></p> <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giải thích câu nói: <i>Tình thương là hạnh phúc của con người.</i></p> <p>- <i>Tình thương:</i> là tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người, với vật (<i>Từ điển tiếng Việt</i>)</p> <p>- <i>Hạnh phúc:</i> là trạng thái sung sướng vì cảm thấy hoàn toàn đạt được ý nguyện. (<i>Từ điển tiếng Việt</i>)</p> <p>- Tại sao <i>Tình thương là hạnh phúc của con người</i>?</p> <p>+ <i>Tình thương</i> khiến cho người ta luôn hướng về nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau.</p> <p>+ Như vậy là thỏa mãn mọi ý nguyện, đã được hưởng sung sướng, hạnh phúc mà <i>tình thương</i> mang lại.</p> <p>b. Phân tích để khẳng định, chứng minh các biểu hiện, ý nghĩa của tình thương:</p> <p>- Trong phạm vi gia đình:</p> <p>+ Cha mẹ yêu thương con cái, chấp nhận bao vất vả, cực nhọc, hi sinh bản thân để</p>
---	---

<p>+ GV: Trong xã hội, lối sống có tình thương được biểu hiện như thế nào? Có những câu ca dao, tục ngữ nào nói về lối sống có tình thương?</p> <p>- “<i>Nước chảy liu riu, lục bình trôi lú rú</i> <i>Anh thấy cô nàng nhỏ xíu anh thương</i>”</p> <p>“<i>Tóc em dài em cài hoa lí</i> <i>Miệng em cười hử ý anh thương</i>”</p> <p>“<i>Thò tay mà ngắt ngọn ngô</i> <i>Thương em đứt ruột giả đờ nó lơ</i>”</p> <p>- “<i>Một miếng khi đói bằng một gói khi no</i>”</p> <p>“<i>Lá lành đùm lá rách</i>” “<i>Nhiều điều phủ lấy giá gương</i> <i>Người trong một nước phải thương nhau cùng</i>”</p> <p>+ GV: Trong lịch sử, có những tấm gương tiêu biểu nào nêu cao lối sống có tình thương?</p>	<p>nuôi dạy con cái nên người. Con cái ngoan ngoãn, trưởng thành, cha mẹ coi đó là hạnh phúc nhất của đời mình.</p> <p>+ Trong đời người có nhiều nỗi khổ, nhưng con cái không nên danh nên phận hoặc hư hỏng là nỗi đau lớn nhất của cha mẹ.</p> <p>+ Con cái biết nghe lời dạy bảo của cha mẹ, biết đem lại niềm vui cho cha mẹ, đó là hiếu thảo, là tình thương và hạnh phúc.</p> <p>+ Tình thương yêu, sự hòa thuận giữa anh em, giữa cha mẹ và con cái tạo nên sự bền vững của hạnh phúc gia đình.</p> <p>- Trong phạm vi xã hội:</p> <p>+ Tình thương chân thành là cơ sở của tình yêu đôi lứa.</p> <p>“<i>Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo</i> <i>Ngũ lục sông cũng lội, thất bát cửu thập đèo cũng qua</i>”.</p> <p>“<i>Muối ba năm muối đang còn mặn</i> <i>Gừng chín tháng gừng hẵng còn cay</i> <i>Đôi ta nghĩa nặng tình dày</i> <i>Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa</i>”.</p> <p>+ Tình thương là truyền thống đạo lí: <i>Thương người như thể thương thân</i>; tạo nên sự gắn bó chặt chẽ trong quan hệ cộng đồng giai cấp, dân tộc.</p> <p>“<i>Bầu ơi thương lấy bí cùng</i> <i>Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn</i>”</p> <p>+ Tình thương mở rộng, nâng cao thành tình yêu nhân loại.</p> <p>- Những tấm gương sáng trong lịch sử coi Tình thương là hạnh phúc của con người:</p> <p>+ Vua Trần Nhân Tông cởi áo bào khoác cho một người lính giữa đêm đông .</p> <p>+ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng chia sẻ ngọt bùi, cùng vào sinh ra tử với tướng sĩ.</p> <p>+ Người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi suốt đời vì dân vì nước, gạt những oan ức,</p>
---	--

<p>GV Luận điểm 3 là gì? Ta cần phê phán lối sống như thế nào?</p> <p>GV Luận điểm 4 là gì? Qua câu nói, ta có thể rút ra bài học gì cho bản thân?</p> <p>- Hướng dẫn học sinh kết bài. GV: Phần kết bài ta có thể trình bày những ý nào?</p> <p>Nêu lên lời kêu gọi, nhắc nhở cho mọi người?</p> <p>* Nhận xét đánh giá bài làm. - Về ưu điểm.</p> <p>- Về nhược điểm</p> <p>* Hướng dẫn học sinh chữa những lỗi trong bài viết. - GV: Nêu các lỗi mà học sinh thường gặp trong bài văn của mình.</p> <p>- GV: Đưa ra những câu văn sai phổ biến, yêu cầu học sinh sửa chữa.</p>	<p>bất hạnh của riêng mình. + Người thanh niên Nguyễn Tất Thành yêu nước thương dân ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.</p> <p>c. Phê phán, bác bỏ: Lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình thương, không biết quan tâm, chia sẻ, đồng cảm và giúp đỡ người khác...</p> <p>d. Liên hệ bản thân: Rút ra bài học về sống xứng đáng có đạo đức, nhân cách và hành động vì tình thương.</p> <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình thương là lẽ sống cao cả của con người. Tình thương vượt lên trên mọi sự khác biệt giữa các dân tộc trên thế giới. - Để tình thương thực sự trở thành hạnh phúc của con người, mỗi chúng ta phải vươn lên chống đói nghèo, áp bức bất công, chiến tranh phi nghĩa... để góp phần xây dựng một thế giới hòa bình thịnh vượng... <p>III. Nhận xét, đánh giá:</p> <p>1. Ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức vấn đề nghị luận: - Vận dụng các thao tác: - Hệ thống ý: - Các lí lẽ, dẫn chứng: - Kỹ năng, diễn đạt: <p>* Khuyết điểm: Nhận xét theo các mặt trên.</p> <p>IV. Sửa lỗi bài viết:</p> <p>* Các lỗi thường gặp cần tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí. - Sự kết hợp các thao tác lập luận chưa hài hoà, chưa phù hợp với từng ý. - Kỹ năng phân tích, cảm thụ còn kém. - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ, viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp <p>* Một số lỗi phổ biến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Chẳng lẽ</u> những việc như vậy chúng ta không làm được hay sao, có chẳng là chúng ta không chịu làm.
---	--

<p>- HS: Lần lượt sửa những lỗi sai.</p> <p>Đọc những bài viết khá giỏi của học sinh.</p> <p>* Tổng kết bài viết của học sinh.</p> <p>* Ra đề bài viết số 2 ở nhà.</p> <p>+ GV: Nêu đề bài. Hướng dẫn học sinh cách xác định các luận điểm.</p> <p>+ GV Nhắc nhở thời gian nộp bài.</p> <p>Hướng dẫn: Bài viết cần triển khai theo hướng: - Tình trạng trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống ở các thành phố, thị trấn. - ý nghĩa của việc xuất hiện nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận các em về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp đỡ các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp. - Bản thân có suy nghĩ như thế nào ? Từng biết những nghĩa cử cao đẹp ở đâu ? Cần phải làm gì để nhân rộng hiện tượng đó ?</p>	<p>→ khẩu ngữ, sửa lại: Những việc như vậy chúng ta có thể làm được. - Là một học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, em hứa sẽ cố gắng tu dưỡng đạo đức. → Cách diễn đạt không phù hợp với bài văn nghị luận. Đề nghị: bỏ cả câu. 3. Luôn quan tâm chăm sóc em út. → Câu thiếu chủ ngữ. Sửa: Ta phải quan tâm chăm sóc em mình.</p> <p>III. Trả bài và thống kê:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>12D</th> <th>12N</th> <th>12B</th> <th>12H</th> <th>12E</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Điểm giỏi</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Điểm khá</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Điểm TB</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Điểm yếu</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Điểm kém</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>VII. Viết bài làm văn số 2: Đề bài: <i>Hiện nay vẫn còn tình trạng trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống ở các thành phố, thị trấn. Nhưng đã và đang xuất hiện nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận các em về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp đỡ các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp.</i> Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng đó.</p> <p>Đề 2: “Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động” Ý kiến trên của nhà văn Pháp M. Xi-xê-rông gọi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân. I. Phân tích đề: - Nd: quan hệ giữa đức hạnh và hành động - Thể loại : Nghị luận về tư tưởng, đạo lí.</p>		12D	12N	12B	12H	12E	Điểm giỏi						Điểm khá						Điểm TB						Điểm yếu						Điểm kém					
	12D	12N	12B	12H	12E																																
Điểm giỏi																																					
Điểm khá																																					
Điểm TB																																					
Điểm yếu																																					
Điểm kém																																					

<p>“Trăm nghe không bằng một thấy”; “Trăm hay không bằng tay quen; Nói hay không bằng cày giỏi”</p> <p>“Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa”; “Ăn thì ăn những miếng ngon, Làm thì chọn việc con con mà làm”.</p> <p>+ Chàng Thạch Sanh, Cậu bé làng Gióng, Từ Hải trong Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, Hai Bà Trưng; + Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ + Chủ tịch Hồ Chí Minh</p>	<p>- Thao tác chính : gthích, cm, bình luận. - Phạm vi tư liệu : thực tế cuộc sống.</p> <p>II. Dàn ý: 1. Mở bài: - Hành động là biểu hiện cao nhất của đức hạnh. Nhà văn Pháp M. Xi-xê-rông đã nói: “Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”</p> <p>2. Thân bài: a. Giải thích câu nói: - <i>Đức hạnh</i> là đạo đức và tính nết tốt (Từ điển tiếng Việt) - Đức hạnh được thể hiện qua lời nói và những việc làm cụ thể, qua mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, xã hội... - Hành động là thước đo phẩm giá của mỗi con người.</p> <p>b. Phân tích, chứng minh: “Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động” - Từ xưa, nhân dân ta đã ca ngợi và đề cao những hành động thiết thực mang lại lợi ích cho bản thân và xã hội: + Có những câu tục ngữ khẳng định ý nghĩa quan trọng của hành động + Nhân dân cũng phê phán, chê cười những kẻ: - Dẫn chứng trong văn chương và thực tế lịch sử có rất nhiều gương sáng hành động, thể hiện phẩm chất cao quý của con người:</p> <p>c. Phê phán, bác bỏ: Những lối sống, những hành động không có đức hạnh: sống vị kỉ, chỉ nghĩ cho riêng mình, sống vô bổ, đua đòi...</p> <p>d. Suy nghĩ của bản thân: - Hành động của tuổi trẻ là học tập, tu dưỡng và rèn luyện để nâng cao hiểu biết . - Hành động là dám nhìn thẳng vào những khuyết điểm để sửa chữa, khắc phục để vươn lên, có tinh thần cầu tiến để thể hiện phẩm chất và đức hạnh của bản thân.</p> <p>3. Kết bài: - Trong chiến tranh giữ nước, tuổi trẻ Việt</p>
--	--

	<p>Nam đã cống hiến, hi sinh xương máu bảo vệ độc lập chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.</p> <p>- Trong thời bình, tuổi trẻ phải tu dưỡng, phấn đấu; tích cực đóng góp sức mình cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.</p>
--	---

4. Củng cố, dặn dò - Rút kinh nghiệm các lỗi đã thống kê cho những bài viết sau
 - Đọc và soạn trước: “*Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS*”.

Tiết 17

Đọc văn

THÔNG ĐIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG AIDS, 01- 12 - 2003

Cô-phi An-nan

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận thức được : đại dịch HIV/AIDS là một hiểm họa mang tính toàn cầu nên việc phòng chống AIDS là vấn đề có ý nghĩa bức thiết và tầm quan trọng đặc biệt, là trách nhiệm của mỗi người và mỗi quốc gia;
- Thấy rõ sức thuyết phục mạnh mẽ của bản thông điệp, tầm nhìn, tầm suy nghĩ sâu rộng của tác giả.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN:

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên Ngữ văn 12 – tập 1..
- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12 – tập 1. Các tài liệu tham khảo khác...
- Hs soạn bài theo câu hỏi sgk

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV dạy kết hợp: Đọc hiểu, thuyết trình, phát vấn, phân tích, kết hợp thảo luận...

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số

12D	12E
12C	12H
12B	

2. Kiểm tra bài cũ:

- Nguyễn Đình Thi đã nêu lên đặc trưng cơ bản nhất của thơ như thế nào? Ông có quan niệm như thế nào về thơ tự do?
- Thiên tài Đôx có những mâu thuẫn như thế nào trong cuộc đời và số phận?
 Tác giả đã làm nổi bật chân dung Đôxtôi epxki bằng cách nào?

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>*Tìm hiểu những nét chính về tác giả. + GV: Dựa vào SGK, em hãy trình bày một vài nét về tác giả Cô-phi An-nan?</p>	<p><u>I. Tìm hiểu chung:</u> <u>1. Tác giả:</u> - 8 – 4 - 1938 tại Ga-na (Châu Phi) . - Năm 1997: là người thứ bảy và là người</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>+ HS: Dựa vào SGK và phát biểu.</p> <p>+ GV: Lúc đưa ra văn bản này, Cô -phi An - nan có những hành động gì? GV: Khẳng định: Đây là mối quan tâm, là nhiệm vụ hàng đầu trong sự nghiệp chính trị của ông</p>	<p>châu Phi da đen đầu tiên được bầu làm Tổng thư kí Liên hợp quốc. - Đảm nhiệm chức vụ này trong hai nhiệm kì, từ tháng 1 - 1997 đến tháng 1 - 2007. - Hoạt động: Ra lời kêu gọi hành động gồm năm điều về đấu tranh chống lại đại dịch HIV/AIDS Kêu gọi thành lập quỹ sức khoẻ về AIDS toàn cầu Kêu gọi chống khủng bố trên toàn thế giới - Được trao giải thưởng Nô-ben Hòa bình.</p>
<p>- Tìm hiểu chung về văn bản. + GV: Nêu lên hoàn cảnh ra đời bức thông điệp? Văn bản nhật dụng: Nói về vấn đề có ý nghĩa bức thiết của toàn nhân loại. Thông điệp: Những thông báo có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều người, nhiều quốc gia. + GV: Bản thông điệp có ý nghĩa gì?</p>	<p>2. Văn bản: a. Hoàn cảnh ra đời: Được viết và gửi nhân dân thế giới nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS 01/12/2003. b. Ý nghĩa: Cảnh báo và kêu gọi thế giới trước vấn nạn hiểm hoạ chung toàn cầu, toàn nhân loại</p>
<p>* Tìm hiểu vấn đề được nêu trong văn bản + Bức thông điệp đề cập đến vấn đề gì? + Tại sao phải đặt vấn đề này lên vị trí hàng đầu? + HS: Trao đổi và trả lời theo những hiểu biết của mình về hiện tượng.</p>	<p>II- Đọc – hiểu văn bản. 1. Vấn đề được nêu trong bản thông điệp: - Vấn đề: phòng chống AIDS. - Là vấn đề cần đặt lên vị trí hàng đầu, vì: + vấn đề nóng bỏng, bức thiết của toàn nhân loại và đe dọa nghiêm trọng con người + đang hoành hành, lây lan với tốc độ đáng báo động và ít có dấu hiệu suy giảm + làm tuổi thọ con người bị giảm sút nghiêm trọng, gây tỉ lệ tử vong cao + những cách thức cạnh tranh khác không quan trọng bằng vấn đề HIV/AIDS</p>
<p>Tìm hiểu tình hình cuộc chiến phòng chống AIDS + GV: Mở đầu bản thông điệp, tác giả nhắc lại vấn đề gì? + GV: Vấn đề này được thực hiện như thế nào</p>	<p>2. Cuộc chiến phòng chống AIDS: a. Diễn biến cuộc chiến: - Dẫn lại những điều được các nước nhất trí để đánh bại HIV/AIDS: cam kết, nguồn lực và hành động. - Đã có cam kết, nguồn lực đã được tăng lên, nhưng hành động còn quá ít so với yêu cầu thực tế</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>+ GV: Tác giả đã công bố những kết quả mà chúng ta đã đạt được là gì?</p>	<p>b. Công bố một số kết quả đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách cho phòng chống AIDS tăng lên đáng kể - Quỹ toàn cầu về phòng chống AIDS, lao, sốt rét được thông qua - Ngày càng nhiều công ty áp dụng chính sách phòng chống AIDS tại nơi làm việc - Các nhóm từ thiện luôn đi đầu trong cuộc chiến chống AIDS; có hoạt động tích cực.
<p>+ GV: Tác giả đã làm thế nào để cho việc tổng kết tình hình thực tế của mình trung thực, đáng tin cậy?</p> <p>+ HS: Trả lời.</p> <p>+ GV: Tác giả đã nêu những tồn tại nào của tình hình phòng chống HIV/AIDS?</p> <p>+ HS: Trả lời.</p>	<p>c. Nêu lên những mặt chưa đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nạn dịch hoành hành, ít dấu hiệu suy giảm - Mỗi phút khoảng 10 người bị nhiễm HIV - Tuổi thọ bị giảm sút nghiêm trọng. - Tốc độ lây lan đáng báo động ở phụ nữ - Lây lan sang những trước đây an toàn, đặc biệt là Đông Âu và toàn bộ châu Á - Cảnh báo về việc không hoàn thành mục tiêu vào năm 2005.
<p>+ GV: Cách trình bày của bức thông điệp có tính toàn diện và bao quát như thế nào?</p> <p>+ GV: Những dẫn chứng và tình hình được tác giả trình bày như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách trình bày của tác giả còn như thế nào để tác động trực tiếp đến người nghe? <p>+ GV: Cách tổng kết của bức thông điệp như thế nào? Hướng vào việc gì?</p>	<p>d. Cách trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn diện và bao quát: + mặt làm được và chưa tốt + tại các khu vực khác nhau trên thế giới + trong những giới tính, lứa tuổi khác nhau + những hành động của quốc gia và các tổ chức, công ty, nhóm từ thiện - Cụ thể, rõ ràng: số liệu, tình hình được chọn lọc và kịp thời - Sáng tạo trong cách trình bày để tác động trực tiếp đến người nghe: “<i>Trong năm qua, mỗi phút đồng hồ của một ngày trôi đi, có khoảng 10 người nhiễm HIV</i>” - Cách tổng kết: có trọng tâm và điểm nhấn vào “<i>hành động của chúng ta vẫn quá ít so với yêu cầu thực tế</i>”
<p>- Thao tác 2: Tìm hiểu lời kêu gọi phòng chống AIDS.</p> <p>+ GV: Tác giả đã kêu gọi các quốc gia và tổ chức phải có những hành động gì trong việc phòng chống AIDS?</p> <p>+ HS: Thảo luận chung và trả lời.</p> <p>+ GV: Đối với mỗi người, tác giả kêu</p>	<p>3. Lời kêu gọi phòng chống AIDS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quốc gia và tổ chức: + Phải nỗ lực hơn nữa trong hành động. + Phải đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự chính trị và hành động thực tế. - Với mọi người:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>gọi và nhắc nhở điều gì? + HS: Trả lời.</p>	<p>+ Phải công khai lên tiếng về AIDS, đối mặt với thực tế không mấy dễ chịu này. + Không vội vàng phán xét đồng loại mình + Không kì thị và phân biệt đối xử đối với người nhiễm bệnh. + Không ảo tưởng về sự bảo vệ bằng cách dựng lên hàng rào ngăn cách với người bị nhiễm HIV + Hãy sát cánh cùng ông trong cuộc chiến chống HIV/AIDS</p>
<p>- Tìm hiểu sức lay động của bản thông điệp. + GV: Bản thông điệp này tác động đến người đọc bằng cách trình bày như thế nào? + GV: Những câu văn, đoạn văn nào trong bản thông điệp gây cho ta cảm động nhiều nhất?</p>	<p>4. Sức lay động của bản thông điệp: - Lập luận đầy sức thuyết phục - Lí lẽ, tình cảm sâu sắc - Những câu văn cảm động: + “<i>Hãy dừng để ... cái chết</i>” + “<i>Hãy cùng tôi ... này</i>”</p>
<p>Tổng kết + GV: Bản thông điệp nêu lên những nội dung gì? - đó là công việc chính của mình, hãy sát cánh bên nhau để cùng “<i>đánh đổ các thành lũy của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử</i>” với những người bị HIV/AIDS.</p>	<p>III. Tổng kết: - Bản thông điệp khẳng định phòng chống HIV/AIDS phải là mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại, và những cố gắng của con người về mặt này vẫn còn chưa đủ - Tác giả tha thiết kêu gọi các quốc gia và toàn thể nhân dân thế giới hãy coi việc đẩy lùi đại dịch</p>
<p>GV: Bản thông điệp có ý nghĩa như thế nào?</p>	<p>- Bản thông điệp là tiếng nói kịp thời trước một nguy cơ đe dọa cuộc sống của loài người. Nó thể hiện thái độ sống tích cực, một tinh thần trách nhiệm cao, tình yêu thương nhân loại sâu sắc. - Thông điệp giúp mọi người biết quan tâm tới hiện tượng đời sống đang diễn ra; biết chia sẻ, không vô cảm trước nỗi đau của con người</p>
<p>+ GV: Gọi HS đọc <i>Ghi nhớ SGK</i></p>	<p>Ghi nhớ (SGK).</p>
<p>Luyện tập tại lớp + GV: Nêu yêu cầu của bài tập 1. Yêu cầu HS thảo luận và trình bày ý kiến. + GV: Tổng kết ý kiến của học sinh</p>	<p>IV. Luyện tập: 1. Bài tập 1: Giả sử em có bạn thân là người mắc phải căn bệnh HIV/AIDS, em sẽ phải làm gì?</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
+ GV: Nêu đề bài và hướng dẫn học sinh luyện tập ở nhà.	<p>2. Bài tập 2:</p> <p>Viết một bài nghị luận bàn về thái độ của học sinh hiện nay với vấn đề HIV/AIDS.</p>

4. Củng cố, dặn dò:

Nắm chắc Kiến thức cơ bản

5. Hướng dẫn về nhà:

- Anh chị hiểu như thế nào về câu cuối của bản thông điệp: “Hãy sát cánh cùng tôi, bởi lẽ cuộc chiến chống lại HIV/AIDS bắt đầu từ chính các bạn” ?
- Viết một văn bản về thực trạng phòng chống HIV/AIDS ở địa phương, trong đó đưa ra những giải pháp cụ thể theo quan điểm của anh (chị)?
- Chuẩn bị bài: “Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ”.

Tiết 18

Làm văn

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS :

- Nắm được cách làm bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

II. PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN: Giáo án Ngữ văn 12 – tập 1

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 1.
- Giáo án Ngữ văn 12 – tập 1 Các tài liệu tham khảo khác...
- Hs trả lời bài tập sgk

III. CÁCH THỨC TIẾN HÀNH:

GV dạy kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, phát vấn, phân tích, trao đổi thảo luận...

IV. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số

12D	12E
12C	12H
12B	

2. Kiểm tra bài cũ: Không

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
*Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 1	I. Cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ GV: Khi tìm hiểu đề, ta cần xác định những vấn đề gì?</p> <p>+ GV: Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?</p> <p>+ GV: Vấn đề cần giải quyết, làm rõ trong bài viết là gì?</p> <p>+ GV: Phần mở bài ta cần giới thiệu những gì?</p> <p>+ GV: Phần thân bài ta cần làm rõ điều gì trước tiên?</p> <p>+ GV: Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm trăng khuya được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào? Gọi lên những điều gì?</p> <p>+ GV: Hình ảnh nổi bật nhất trong bài thơ là hình ảnh gì?</p> <p>+ GV: Nhân vật trữ tình trong bài</p>	<p>1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:</p> <p>A. Thực hành đề 1 – SGK:</p> <p>Phân tích bài thơ "Cánh khuya" của Hồ Chí Minh.</p> <p>a. Tìm hiểu đề:</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời:</p> <p>+ Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp</p> <p>+ Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến đầy gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của nhân dân ta.</p> <p>- Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:</p> <p>+ Từ phân tích vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Việt Bắc thấy được vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vẻ đẹp của thơ ca Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Từ vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của cuộc kháng chiến để thấy được vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam – sự tất thắng của cuộc kháng chiến.</p> <p>b. Lập dàn ý:</p> <p>* Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu bài thơ (hoàn cảnh sáng tác)</p> <p>- Nhận định chung về bài thơ (Định hướng giải quyết)</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc:</p> <p>+ Thủ pháp so sánh: <i>Tiếng suối trong như tiếng hát xa</i></p> <p>→ tiếng suối cộng hưởng với tiếng người, tiếng đời tươi trẻ, vang vọng tràn đầy niềm tin</p> <p>+ Hình ảnh: <i>Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa</i></p> <p>→ Điệp từ <i>lồng</i> : tạo nên hình ảnh huyền ảo, lung linh, thơ mộng</p> <p>=> Cảnh vật mang vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng → tâm hồn yêu thiên nhiên của Bác.</p> <p>- Phân tích, chứng minh vẻ đẹp tâm hồn thi nhân qua hình ảnh nhân vật trữ tình:</p> <p>+ Nổi bật giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng lo <i>nỗi nước nhà</i>.</p> <p>→ tấm lòng yêu nước sâu sắc của Bác.</p> <p>+ Khác với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>thơ có gì khác hình ảnh ẩn sĩ trong thơ cổ?</p> <p>+ GV: Vì sao lại nói bài thơ vừa có tính chất cổ điển, vừa hiện đại?</p> <p>+ GV: Nêu nhận định chung về giá trị tư tưởng và nghệ thuật bài thơ?</p> <p>+ GV: Khẳng định lại những giá trị bài thơ?</p> <p>- Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 2</p> <p>+ GV: Khi tìm hiểu đề trong đề bài này, ta cần xác định những vấn đề gì?</p> <p>+ GV: Mở bài, ta cần giới thiệu điều gì? Có gì khác với cách giới thiệu về một bài thơ?</p> <p>+ GV: Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở</p>	<p>thiên nhiên, xa lánh cõi trần → Tinh thần ung dung tự tại lo việc nước, tràn đầy sự lạc quan, kiên định và bất thắng</p> <p>- Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại: + Tính cổ điển: thể thơ Đường luật, những hình ảnh thiên nhiên <i>tiếng suối, trăng, cỏ thụ, hoa.</i> + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: thi sĩ</p> <p>- chiến sĩ, <i>lo nỗi nước nhà</i>, sự phá cách trong hai câu cuối (không tuân thủ luật đối)</p> <p>- Nhận định giá trị tư tưởng và nghệ thuật bài thơ: + Tư tưởng: Tình yêu thiên nhiên, đất nước sâu đậm + Nghệ thuật: cổ điển và hiện đại</p> <p>* Kết bài: - Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ: Mang cốt cách thanh cao, tấm lòng vì nước vì dân, khí chất ung dung của vị lãnh tụ - Đây là một trong những bài thơ hay của Bác</p> <p>b. Thực hành đề 2 – SGK: Phân tích đoạn thơ trong bài "<i>Việt Bắc</i>" của Tố Hữu</p> <p>a. Tìm hiểu đề: - TL: phân tích một đoạn thơ. - Nội dung: Làm rõ hai vấn đề: + Khí thế dũng mãnh và khí thế chiến thắng của quân ta trên khắp chiến trường + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo của đoạn thơ</p> <p>b. Lập dàn ý: * Mở bài: - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ. - Nêu xuất xứ đoạn trích - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích</p> <p>* Thân bài: - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu): + Nghệ thuật: Sử dụng từ láy (<i>rầm rập, điệp điệp trùng trùng</i>), so sánh (<i>Đêm đêm rầm rập như là đất</i></p>

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>Việt Bắc được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào trong 8 câu thơ đầu?</p> <p>+ GV: Khí thế hiện lên như thế nào?</p> <p>+ GV: Khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau) được diễn đạt bởi những thủ pháp nghệ thuật nào?</p> <p>+ GV: Khí thế đó tạo nên điều gì cho bức tranh công cuộc kháng chiến chống Pháp?</p> <p>+ GV: Hệ thống từ ngữ nào đã được vận dụng trong đoạn thơ?</p> <p>+ GV: Nhà thơ còn vận dụng những biện pháp tu từ nào?</p> <p>+ GV: Giọng thơ của đoạn thơ có âm hưởng như thế nào?</p> <p>+ GV: Hãy nêu ý để chốt lại đoạn thơ?</p> <p>- Tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ</p> <p>+ GV: Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?</p>	<p><i>rung</i>), hoán dụ (<i>mũ nan</i>), cường điệu (<i>bước chân nát đá</i>), đối lập (<i>Nghìn đêm thăm thăm sương dày >< Đèn pha bật sáng như ngày mai lên</i>)</p> <p>+ Nội dung: Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia (dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới), hình ảnh con đường bộ đội hành quân, dân công đi tiếp viện, đoàn quân ô tô quân sự nối tiếp nhau...</p> <p>- Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):</p> <p>+ Nghệ thuật: Điệp từ <i>vui</i>, biện pháp liệt kê các địa danh của mọi miền đất nước</p> <p>+ Nội dung: Tin vui chiến thắng dồn dập bay về, vì Việt Bắc là thủ đô, là đầu não của cuộc kháng chiến. Niềm vui của đất nước hoà cùng Việt Bắc tạo nên bức tranh kháng chiến thắng lợi toàn diện và toàn vẹn.</p> <p>- Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:</p> <p>Rất điêu luyện trong việc sử dụng thể thơ lục bát</p> <p>+ Các từ láy, động từ (<i>rầm rập, rung, nát đá, lừa bay</i>), tính từ gọi tả (<i>Quân đi điệp điệp trùng trùng, Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan, Dân công đỏ đuốc từng đoàn, Nghìn đêm thăm thăm sương dày, Đèn pha bật sáng</i>)...</p> <p>+ Các biện pháp tu từ: so sánh, hoán dụ, cường điệu, trùng điệp...</p> <p>+ Giọng thơ: âm vang, sôi nổi, hào hùng</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>Đoạn thơ ngắn như thể hiện được không khí của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta một cách cụ thể, sinh động</p> <p>2. Đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:</p> <p style="text-align: center;">Ghi nhớ (SGK)</p> <p>- Đặc điểm : Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.</p> <p>- Đối tượng: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ...</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>+ GV: Em có nhận xét gì về đối tượng nghị luận về thơ? Xuất phát từ điều này, chúng ta cần phải thao tác như thế nào khi nghị luận?</p> <p>+ GV: Nội dung cơ bản của một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?</p> <p>* Hướng dẫn luyện tập.</p> <p>- GV: Chia lớp làm 4 nhóm.</p> <p>- Đại diện các nhóm lần lượt trả lời.</p> <p>- GV: Chốt lại các ý đúng.</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ:</p> <p>- Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ:</p> <p>- Nhận xét chung về khổ thơ:</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>- Nhận xét tổng quát bài thơ, phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối:</p> <p>+ Nhận xét:</p> <p>+ Phân tích ba khổ đầu bài thơ: .</p> <p>- Phân tích hai câu thơ đầu: Trong ba khổ thơ trước:</p>	<p>Cách làm: cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, cấu tứ...</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ</p> <p>+ Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ</p> <p>+ Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ</p> <p>II. LUYỆN TẬP:</p> <p>Đề bài: Hãy phân tích đoạn thơ trong bài "<i>Tràng giang</i>" của Huy Cận</p> <p>Dàn ý:</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ</p> <p>Từ cảm hứng trước một buổi chiều đìu hiu, vắng lặng buồn, khi lặng ngắm sông Hồng ngoại thành Hà Nội</p> <p>- Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ: Khổ cuối trong bài thơ <i>Tràng giang</i></p> <p>- Một bài thơ buồn – đẹp vào bậc nhất của Huy Cận, của văn học lãng mạn Việt Nam</p> <p>- Dẫn văn bản khổ thơ</p> <p>- Nhận xét chung về khổ thơ: Thơ Huy Cận trước CMTT là nỗi buồn của thế hệ thanh niên mất nước, tương lai mờ mịt. Bài thơ mở vào khoảng trời đất cao rộng, vắng lặng để nỗi buồn thấm sâu tận cõi lòng</p> <p>- Dẫn văn bản khổ thơ</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>- Nhận xét tổng quát bài thơ,</p> <p>- phân tích chung ba khổ thơ đầu để thấy mối liên hệ, thống nhất với khổ thơ cuối</p> <p>- Phân tích hai câu thơ đầu</p> <p>Buồn trải ra xa, trong khổ cuối: buồn lên cao trong cánh chim nhỏ và dường như nhiều bơ vơ, không tìm ra phương hướng trong buổi chiều tắt nắng</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>b- Phân tích hai câu thơ cuối: + Thôi Hiệu: <i>Quê hương khuất bóng hoàng hôn Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai</i>(Hoàng Hạc Lâu)</p> <p>+ Huy Cận: <i>Lòng quê dợn dợn vời con nước Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà</i></p> <p>- Một vài nét về nghệ thuật: + Mượn một số cách diễn đạt thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng của Huy Cận: o Các hình ảnh: mây cao đùn núi bạc, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà... đậm chất thơ Đường o Nét riêng: cách dùng từ láy (<i>lớp lớp, dợn dợn</i>), cảm xúc lãng mạn tinh tế (<i>chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa</i>), cách nói ngược so với thơ Đường (<i>Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà</i>)</p> <p>3. Kết bài: Tổng hợp chung:</p>	<p>- Phân tích hai câu thơ cuối + Cảnh hoàn toàn không còn dấu người. ở thời điểm này, quê hương là nơi neo đậu của lòng người. Câu thơ buồn nhưng sáng lên tình yêu quê hương đất nước sâu đậm.</p> <p>* Một vài nét về nghệ thuật Cách diễn đạt thơ Đường o Các hình ảnh: mây cao đùn núi bạc, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều, con nước, nhớ nhà... đậm chất thơ Đường Nét riêng: cách dùng từ láy (<i>lớp lớp, dợn dợn</i>), cảm xúc lãng mạn tinh tế.</p> <p>+ Âm hưởng Đường thi cộng với những hình ảnh cô đơn, nỗi buồn thế hệ tạo nên vẻ đẹp cổ điển, hiện đại của khổ thơ, bài thơ.</p> <p>Kết bài Tổng hợp chung - Đoạn thơ có nét cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi nhưng vẫn giữ được cái hồn Việt Nam - Thể hiện tình yêu quê hương đất nước sâu đậm của tác giả.</p>

4. Củng cố, dặn dò: Nắm chắc:

- Kiến thức cơ bản
- Củng cố, hoàn thiện kiến thức về tác phẩm (hoặc đoạn trích) thơ được học trong chương trình.